

Tác Giả và Tác Phẩm

Tường Vũ Anh Thy (II)

Tiểu sử tác giả tự bạch

Tường Vũ Anh Thy Vũ Tiến Thủy (1947-2047)

Tác phẩm

Cao Bá Quát giữ hồn thiêng sông núi



Mục Lục

Cuộc tri âm của ngôn ngữ đọc Cao Bá Quát – Lê Thị Huệ - 2

&

Cao Bá Quát giữ hồn thiêng sông núi

- Cao Bá Quát giữ hồn thiêng sông núi - 4**
- Cao Bá Quát: tiếng hú dài cõi mộng - 8**
- Cao Bá Quát: thơ vẫn bay ...- 11**
- Cao Bá Quát: ngày sinh của thi sĩ - 13**
- Cao Bá Quát: về mái nhà xưa - 17**
- Cao Bá Quát: tiếng hát giữa rừng - 20**
- Cao Bá Quát: bài hát cái roi song – 24**
- Cao Bá Quát: tim vẫn say...- 27**

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Cuộc tri âm của ngôn ngữ đọc Cao Bá Quát Lê Thị Huệ

Đây không phải là thể giới quen thuộc của đám đông. Thân thể của Cao Bá Quát không phải là thân thể chung của nhiều người. Cao Bá Quát, một ông quan, một trí thức bị xử trảm, một thi sĩ cuồng tâm, một thiên tài lỡ vận... Thế giới của Cao Bá Quát, con người và thi ca của ông khó để mà chia sẻ bởi độc giả số đông. Con người ấy, thi ca ấy là để ngưỡng mộ, để nghiên cứu, để trang trí văn học.

Bởi vì không phải ai cũng làm cái công việc này. Và không phải ai cũng có thể nghĩ ra những điều như sau:

Thế sự thăng trầm quân mạc vấn

Yên ba thâm xứ hữu ngư châu

Vắt tay nằm nghỉ truyện đầu đầu

Đem mộng sự mà đấu với chân thân thời cũng thế

Duy giang thượng chi thanh phong, dữ sơn gian chi minh nguyệt

Kho trời chung mà vô tận của mình riêng.

Thế nhưng đọc tác phẩm của Tường Vũ Anh Thy, *Cao Bá Quát Giữa Hòn Thiên Sông Núi* (Ưc Trai xuất bản năm 1985). Những ấn tượng nói trên bỗng thành ra điều ta muốn xét lại. Thế giới thi ca của Cao Bá Quát, con người ấy bỗng trở nên gần gũi với chúng ta. Nhất là giữa bối cảnh chung thân khổ sai tỵ nạn. Tình thế đất nước và định mệnh của nhiều người Việt Nam hiện nay. Người đọc sẽ tìm thấy nhiều tâm tình tưởng là của riêng Cao Bá Quát mà lại hóa ra của chung. Có phần mình trong đấy.

Tác phẩm *Giữa Hòn Thiên Sông Núi* mở những cánh cửa vào cuộc đời và thi ca của Cao Bá Quát. Tác giả Tường Vũ Anh Thy đã làm công việc móc nối cái “*vô tận của riêng mình*” của CBQ vào cái “*kho trời chung*” của mọi người. Sách chia làm ba phần. Gồm những phân đoạn với những cái tựa rất văn chương như : *Mai Hoa Kiếm, Bài Kệ Uống Trà, Thơ Văn Bay Giữa Hòn Thiên Sông Núi, Tim Vẫn Say Trong Sông Núi Hòn Thiên, Bài Hùng Ca Khập Khênh, Tiếng Hát Giữa Rừng*. Cuối sách có phụ bản phần viết chữ Nho.

Đây không phải là một quyển sách biên khảo thông thường mà là một tập bình thơ đầy sáng tạo. Một lối giấy bày nổi lòng lên giấy bút rất kiểu Việt Nam. Ở phần bạt, tác giả nhìn nhận là: “*Vi chi là tiếng lòng đồng vọng nên sách không mang hình thức biên khảo mà chỉ chứa những suy tư, những cảm hứng từ một cõi riêng chung...*”

Với lời dẫn lối này, độc giả sẽ đi vào tác phẩm bằng một tinh thần thưởng ngoạn ít ược lê hơn. Độc giả sẽ đọc được hai phần sáng tạo trong một tác phẩm. Một của Cao Bá Quát và một của Tường Vũ Anh Thy.

Ngoài những bài thơ chữ Nôm của Cao Bá Quát đã nổi tiếng, độc giả thông thường có lẽ không quen thuộc với những bài thơ chữ Hán của Cao Bá Quát. Đến đây Tường Vũ Anh Thy đã làm công việc đưa những bài thơ của Cao Bá Quát đến gần với độc giả hơn bằng cách diễn “*Nam*” ra. Những bài thơ chữ Hán đã được thông dịch lại với lời giảng giải của Tường Vũ Anh Thy. Vì vậy khoảng cách giữa độc giả và tác giả Cao Bá Quát bị phân cách bởi hàng rào Hán học được tháo gỡ. Độc giả sẽ bắt gặp một tâm hồn Cao Bá Quát rất gần gũi ở giọng điệu buồn bực, ngang tàng, bị dồn bị đẩy vào chân tường, liều mạng, cóc cần, dễ nổi giận, và hơn hết có lẽ là lơ mơ thi sĩ.

Tôi gọi là “*diễn Nam*” vì quả thật phần sáng tác của Tường Vũ Anh Thy là phần khá lôi cuốn của tác phẩm. Tôi gọi là chữ Nam vì nó quả là chữ Nôm cộng thêm thời gian từ thời Cao Bá Quát 1843 cho đến thời Tường Vũ Anh Thy 1985.

Hãy đọc nguyên tác thơ của CBQ thời đấy:

*Tạc dạ phong há thiên khuyết
Bạch lộ, thanh sương sảo xâm cốt
Nhan sinh hội ngộ an khả thường
Hữu tửu thả ẩm Trà giang Nguyệt.
Nghe cứ như là tiếng ngoại quốc !*

Và hãy nghe tác giả Giữa Hồn Thiêng Sông Núi diễn Nam:

"Hình như từ đêm qua, gió vàng đã thổi hiu hắt từ trời cao. Móc trắng, sương mù vẫn vũ làm buốt lạnh tận xương gân. Cái mùi lạnh ngai ngái của biệt ly. Người thật dễ dàng gì được gặp nhau luôn. Mây sớm với trăng tà. Cuộc đi biển biệt. Hãy uống. Sẵn rượu đây hãy mời Trăng sông Trà."

Trong một đoạn suy diễn từ tâm sự của Cao Bá Quát những ngày bị giam cầm. Tác giả Tường Vũ Anh Thy đã cho độc giả đọc được những giòng văn xuôi hấp dẫn như sau:

"Suốt đêm, một mình một bóng, ông vẫn ngồi như mọt rế xuống nhà giam. Đó là cái phàm thai của một người bị khước tử, hay cái xác một nhà thơ vẫn nồng nàn yêu con người, yêu trời đất yêu quê hương? Hồn ông mơ về nơi thành khuyết. Mơ về nội cỏ rừng sâu. Hỡi ơi! Ta là ai giữa rừng sâu trái chín? Ta là ai trong phố cũ hè xưa? Đây là cái bản lai chân diện mục? Đây là cái hình hài không có, có không? Nhìn xuống cái gông cái cùm lại dâng niềm sầu thảm. Khóc cho lệ ứa đầu trắng, cho lệ chan đỉnh núi, cho cạn máu sông dài. Trong tù, thỉnh thoảng cũng có người đến lân la quán khách. Cũng biết ngâm biết đọc, biết tọc mạch tò mò ông trời xanh với bà trời trắng. Thường đến hỏi chữ hỏi nghĩa ông. Một người đang bị tù vì chữ nghĩa !"

Chữ nghĩa dồn dập. Tâm sự uẩn. Đây là cái lõi cuốn của đoạn văn trên. Tâm sự của Cao Bá Quát hay cái khả năng phô diễn chữ nghĩa của Tường Vũ Anh Thy.

Hơn tất cả, ở đây là một cuộc tri âm ngôn ngữ. Một hồn thơ này đối ẩm với một hồn thơ khác. Cõi thi ca này gặp gỡ cõi thi ca khác."Đời mấy kẻ tri âm" Đời có bao người hiểu được nỗi lòng tác giả gửi gắm trong tác phẩm. Không phải Bá Nha vào cũng gặp được Tử Kỳ. Tìm cho được một tri kỷ. Đập gương xưa tìm bóng chính là đây. Thấp thoáng đâu đây trong tác phẩm ta bắt gặp nỗi niềm kẻ trước người sau hội nhập. Nỗi niềm của "những hồn thơ bị vây khốn". Nỗi niềm thoát thai thành những chữ là chữ. Thơ văn hay văn xuôi thì tác phẩm *Cao Bá Quát Giữa Hồn Thiêng Sông Núi* cũng đã được đạt đến tận cùng men nồng văn chương của chính nó.

Tâm sự của Cao Bá Quát giống tâm sự của những ai trong chúng ta?

Ngày xưa có một người bị cuồng chân vì cửa quyền. Ngày nay cả một dân tộc bị cùm gông vì Cộng Sản. Ngày xưa có người kẻ sĩ quần chí. Ngày nay trí thức tỵ nạn lơ láo ở xứ người có cảm thấy cùng quần không? Người xưa ức quá chỉ biết làm thơ giải bầu tâm sự. Người nay há cũng thần thơ thơ thần vài hàng lên giấy cho vơi sầu đáy ư?

Thơ đã tràn ra lai láng. Tâm hồn thi sĩ đã được giải tỏa. Nhưng những tiếng la hống ấy có trả lời cho được thứ trách nhiệm tinh thần mà cõi thơ CBQ đã xoải mình thao thức. Thứ thao thức của những kẻ biết lẽ ra mình phải làm một điều gì đó cho đời. Cho những kẻ mà Cao Bá Quát đã kinh bạc xếp dùm tùm lại trong cái "bồ" kia.

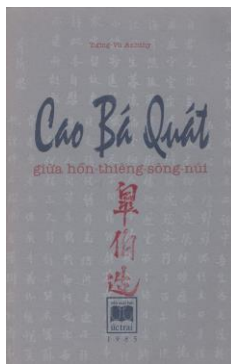
*Chí làm trai ở trong trời đất
Không phơi gan bẻ cột giúp đời
Khoanh tay nhìn quỷ giết người
Mai về áo mũ bán đường quê hương
Cũng không chịu đối đầu tư tưởng
Bút mài gươm quỷ dám ho he
Loanh quanh sớm tối nhà xe
Chết già gối vợ chèo queo xứ người.
(Tiễn Bạn Đi Nhậm Chức ở Thường Tín)*

Ở cuộc tri âm ngôn ngữ này. Không có tiếng trả lời cho câu hỏi trên. Nhìn vào hiện tình tiếng Việt tỵ nạn hiện nay. Mặt sáng tác có vẻ khá náo nhiệt. Nhưng phía nghiên cứu hãy còn phôi thai. Những công trình giá trị còn rất hiếm hoi. Những tác phẩm này vì vậy được đón nhận với rất nhiều mong đợi từ giới cầm bút. Nhất là những công trình biên khảo có tính cách tự lực và độc lập bằng tiếng Việt lại càng cần được cổ vũ hơn. *Cao Bá Quát Giữa Hồn Thiêng Sông Núi* của Tường Vũ Anh Thy được đón nhận trong tinh thần mong mỏi trên.

1987

&

Cao Bá Quát giữa hồn thiêng sông núi



Cao Bá Quát: tính hiện ra lời

tản luận

Ở một bài thơ khác đề ngày 17 tháng 10, có lời ghi chú của ông: "*trong khi bị tra tấn, rách da nát thịt, đẫm máu; khiêng về ngất đi đến hai trống canh mới tỉnh lại*" (đặc tấn thời, bì nhục binh liệt, dư quy, khí tuyết, nhị canh hử nãi phục sinh). Tỉnh lại, Cao Bá Quát gượng đau làm luôn một lúc bốn bài thơ. Sự kiện khiến ta cảm phục. Nó cho thấy sức mạnh nội tâm của ông, cuộn cuộn như thác đổ. Nó cũng cho biết vụ án kéo dài và nghiêm trọng.

Trong thơ, ông tả lại lúc bị tra tấn, dùng dùng như sấm gầm chớp giạt, tám thân ông trơ trọi. Bạn hữu và người quen nhìn thấy kinh hãi mà không dám hỏi, không dám gọi. Khiêng về, khắp người đau đớn nát như, bệnh bồng như chìm vào cơn mưa bão ác liệt, mê đặc đi trong trời đất cuồng quay. Đến khi tỉnh lại sửng sốt thấy giọng khan cổ nóng, ngất ngư. Bất giác thương thân, thương đời. Ông nghĩ đến cái đêm mưa gió dầm dề, hoàn cảnh ướt át khổ cực của đám quân Tào Tháo ở Hán Trung, nghĩ đến cái thể giàng dai lưỡng lự, bỏ thì tiếc, giữ thì vô vị như cái gân gà (*ké lặc*) mà Tào Tháo dùng làm khẩu hiệu mặt mã rút quân. Nghĩ đến Dương Tu vì làm tài khôn mà bị giết. Nghĩ đến phận mong manh của mình như nghìn cân treo sợi tóc, như mồi ngon móc trước râu hùm; kể cũng đáng sợ lắm chứ. Hình như suốt thời gian ở tù, Cao Bá Quát vẫn có người nô bộc theo săn sóc. Ông nhắc đến người ấy luôn, cảm động vì chú ta không bỏ ông, dù ông gặp cảnh bi đát quẫn cùng. Chú ta luôn quanh quẩn, cuống quit hầu hạ giúp đỡ ông. Bây giờ đây, chú đang ứa nước mắt tìm lời an ủi ông. Ông ví chú như Đổ Lượng là người hầu Tiêu Dĩnh Sĩ, một người biết nhiều hiểu rộng đời Đường, dù đôi khi bị chủ quở mắng đánh đập, Đổ Lượng vẫn không oán giận bỏ đi, còn nói: *tôi rất mến trọng ông Tiêu, vì ông là người có*

tài. (Cao Bá Quát dùng điển tích này để tự an ủi rằng mình cũng là người có tài nên chú người hầu mới không bỏ đi khi ông bị ngồi tù.)

THẬP NGUYỆT THẬP NHẤT NHẤT

*Cấp lòì bôn điệñ nhấñ thân cô
Thức hữu kinh khan bất cảm hô
Dư khứ hốt mê phong vũ ác
Tĩnh lai sậu quái ngữ âm thù
Bán sinh mệnh bạc thương kê lạc
Cửu tử tâm toan khiếp hổ tu
Đa tạ Tiêu gia cựu thời bộc
Khấp tương ôn ngữ úy vi tu*

NGÀY 17 THÁNG 10

*Sấm chớp giạt tấñ thân trợ trợ
Bạn bè quen không dám thăm nhau
Khiêng về mê đặc cơn đau
Như mưa chợt tỉnh giọng khan sững sờ
Quanh co nghĩ thương đời hờ hững
Mạng như treo sừng sững miệng hùm
Cảm ơn chú bạn trong cùm
Giữa khi hoạn nạn vẫn đùm bọc ta*

Ông lại nghĩ đến công cha nghĩa mẹ, ông vẫn biết tấm nơi chân trời xa thẳm. Nghĩ đến kiếp người lưu lạc bị bạc đãi, vẫn lê lét sống giữa trần gian nheo nhúc này. Tại sao con người lại bị sinh ra trong sự bất toàn của cuộc sống? Ông muốn nói cho to lên tiếng nói của kiếp người không được làm chủ cuộc đời. Hay ông muốn bày tỏ với cuộc đời niềm cảm thông hòa điệu? Giữa người với người không phải là những tình cầu riêng biệt, không phải là những sa mạc mệnh mông. Ông không tin rằng người ta sinh ra chỉ để đi đến chỗ chết, mà sinh ra để sống trong tự do. Nhưng có phải ông tin vào thuyết “*tài mệnh tương đố*” không? Trời đất có cái nhỏ nhen của trời đất, lúc nào cũng rình rập, nghe ngóng, ghen tài ghét sắc với giai nhân thi sĩ? Cho nên có nói thì nói nho nhỏ, có đàn thì đàn khe khẽ, chớ có ồn ào mà lộ chuyện tâm toan.

*Cù lao di thể gia hương ngoạn
Nô hủ dư sinh khung nhưỡng gian
Nghĩ hướng bình nhân thoại tâm sự
Đê thanh trường khùng ngộ thiên khan*

*(Công cha mẹ, thân con phải tội
Đời lê thể lặn lội trần gian
Muốn đem tâm sự ra bàn
Ngại câu “tài mệnh” nên đàn giảm âm)*

Có lẽ cái sự vụ càng bị đàn áp càng chống đối; không chống đối được bằng sức mạnh của bắp thịt, thì chống đối bằng sức mạnh của thi ca; và cái sự chống đối càng da diết lắm càng oan trái nhiều. Càng oan trái lại càng muốn hàng phục cái định mạng trở cơn. Càng muốn hàng phục cái định mạng trở cơn lại càng thấy bị đàn áp. Cho nên giọng thơ cứ bật tuôn lai láng. Cao Bá Quát gọi là “*tình hiện ra lời*” (*tình hiện vu từ*)

Hàng ngày nơi nhà giam, đối diện với một thứ hư vô khủng khiếp của riêng kiếp lao tù, ông thấy đời mịt mù tối tăm. Đôi lúc hình ảnh của chính ông hiện ra đầy xa lạ. Một mình nằm trên chiếc võng, ông không nói gì, mắt trừng trừng nhìn vào khoảng không. Khoảng không đang nói gì?

Nó thắm thì một lời gọi kêu? Hay nó kêu gọi một không gian lồng lộng đi về? Đi về trong trong sử lịch tồn sinh hay về trong cố quận xa khơi? Như cánh chim bằng bạt gió. Hay chính là gió bạt cánh chim? (*Bình nguyên Lộc có một tập truyện ngắn rất hay, cái tựa rất mực tài tình: NHỐT GIÓ*). Trời mùa thu gió mưa rả rích, mờ mịt lạnh lẽo bội phần. Suốt đêm một mình một bóng, ông vẫn ngồi như mọc rễ xuống nhà giam. Đó là cái phàm thai của một người bị khước từ, hay cái xác của một nhà thơ vẫn nồng nàn yêu con người, yêu trời đất quê hương? Hồn ông mơ về nơi thành khuyết. Mơ về nội cỏ rừng sâu. Hỡi ơi! Ta là ai giữa rừng sâu trái chín? Ta là ai trong phố cũ hè xưa? Đây là cái bản lai chân diện mục? Đây là cái hình hài không có không? Nhìn xuống cái gông cái cùm lại dâng niềm sâu thẳm. Khóc cho lệ ứa đầu trắng, cho lệ chan đỉnh núi, cho cạn máu sông dài. Trong tù, thỉnh thoảng cũng có người đến lân la quán khách. Cũng biết ngâm biết đọc, biết tọc mạch tò mò ông trời xanh bà trời trắng. Thường đến hỏi chữ nghĩa với ông: một người đang bị tù vì chữ nghĩa!

TỨC SỰ

*Nhãn khan cao điều độc phân lung
Tự ý thẳng sàng bất ngữ trung
Ngũ dạ tâm tình đảng đối ảnh
Nhất thu cảnh vật vũ giao phong
Mộng hồi thành khuyết hồn nghi khách
Lệ sái hành dương huyết bính không
Cách xá hà nhân giải ngâm tụng
Lũ tương văn tự vấn cơ ông*

TỨC SỰ

*Cánh chim bay giữa trời nhốt gió
Võng một mình gió nhốt cùng ai
Thâu đêm chiếc bóng miệt mài
Mùa thu hiu hắt cho dài nhớ thương
Mộng thành xưa ngõ hồn vắt vường
Gông với cùm lệ tưởng máu khô
Bạn tù chữ nghĩa vu vơ
Thường đem han hỏi cái thơ ông tù*

Cái thơ ông tù mỗi lúc một chứa chan. Hình như chính trong cõi đắng cay chua chát, người thơ mới rút ra được những tinh túy, những mật ngọt hương thơm của cuộc đời và tình người. Và cũng chính từ đó lòng ông cũng dịu dàng đi theo một nếp gấp tài tình của cánh chim hồng bay bổng.

Cùng nhà giam với Cao có người chủ sự họ Nguyễn làm việc coi kho vũ khí, đem cái gông dài làm đề tài, nhờ Cao vịnh thơ. (cái sự vụ này thật đáng mắc cười, các có trớ trêu, tréo căng ngổng cho ông lắm nhỉ!) “*Tự nghĩ mình đã một phen cuồng ngâm thổng ảm bốc bay thì đắng cay phải trả chứ còn nông nổi gì mà than van điều nọ tiếng kia? Có điều nọ tiếng kia là trong đêm khuya thanh vắng, lòng tự hỏi lòng, đời ta chả có điều gì đáng thẹn với cái gông này. Lại khi vắng vẻ buồn buồn, tình hiện ra lời, (những toan đối đáp với gông), dần lòng không được. Kịp may ông bạn gọi ra, được lời như cời tằm lòng, ta cười ha hả viết ngay (ba bài thơ thần). Gông dài! Gông dài! Mi biết ta chẳng? Ta đâu có xứng đôi vừa lứa, đâu có tâm đầu ý hợp gì với mi!” (Tự duy sở cuồng, tội sở ưng đắc, cảm phục hà ngôn? Độc hạnh thâm dạ vấn tâm, sai kham vô qui thử vật nhĩ. Cùng sâu tịch liêu trung tình hiện vu từ, mỗi bất năng tự cảm. Trường giang! Trường giang! Tri ngã hồ? Ngô vô thích vu nhĩ dã.)* Đó là lời ghi chi ly về ba bài thơ Trường Giang Thiên.

Bài thứ nhất Cao Bá Quát chỉ thẳng cái gông mà nói rằng nó chỉ là cái máy không biết nói năng chi, chỉ biết làm nhục người ta là giỏi. Giơ tay lên cũng vướng nó, lẳng nhằng cái thẻ tre thẻ bài ghi tội phạm nhân. Xo vai lên cũng vướng nó, xốc xếch cả tấm áo quần mỏng tanh, cụt cốn. Sáng sớm vác nó ngược gió đi khai cung, chiều tối lại lếch thếch vác nó, vác cả ánh trăng trở về. Đêm nằm thì hoảng hốt nghe tiếng sấm sét gầm gừ với giấc mơ. Mơ thấy cái roi song dài to tướng quật tứ tung xuống xác thân không dây dựa được giữa hai cái noc.

Bài thứ hai gửi gắm nhiều hơn. Tay mắc gông lòng tự hỏi lòng. Hỏi sao đời ta mắc mớ gì mà lại gặp nó. Gặp nó rồi, vác nó đi, ngẫm nghĩ không có điều gì thắc mắc, rắc rối đối gian thì “*đi với nó không hổ với bóng, nằm với nó không thẹn với chăn*”. Trời đất có bản khoán là bản khoán kiếp người, thân thể trăm năm bỗng như thanh củi giạt, cành cây trôi. Suốt ngày vất vả lao đao trong cái lưới đời oái oăm thâm độc, lộng giả thành chân, biến đen thành trắng, tìm vết bới lông. Ta muốn chẻ cái gông ra làm hai mảnh viết một bài công dân giáo dục, tình nghĩa giáo khoa thư. Một bài đạo học dễ nhất cho lớp đồng ấu: *thương người như thể thương thân, thấy là việc thiện thì mau thực hành*.

Bài này ngoài sự tự nói với chính mình về những cái khát khe ám ức của bản án chữa vắn, còn là lời nhắn gọi và trấn an gia đình, bằng hữu thân thuộc. Thành ngữ: *đi một mình không hổ với bóng, nằm một mình không thẹn với chăn*, ông mượn lời Thái Nguyên Định đời Tống bị tội oan, viết thư bảo con cái đừng thấy cha bị bắt mà lo sợ hoảng hốt. Ông cũng nhắc đến Nghêu Phu đời Tống có bài “*thiên sự ngâm*”, đại ý người ta làm việc thiện vì việc thiện đáng làm. Tích này ông mượn để nói rõ việc chữa vắn cho thí sinh là việc thiện phải làm. Đã làm đúng việc thì không hối hận bản khoán. Cùng ý đó, ở bài sau Cao Bá Quát lấy thành ngữ: *cúi xuống không hổ với đất, ngẩng lên không thẹn với trời*. Đã là thân trượng phu can đảm dũng lược thì chân bước trên con đường danh phổ lợi vẫn ngược ưỡn đầu cao. Không đếm xỉa gì đến điều nọ tiếng kia, thiệt này lợi nọ, ở hay đi, không hay có, được hay thua cũng không phải đạt thành vấn đề quan thiết. Bởi thế ông viết: “*Ta không bận tâm đến chuyện đi hay ở.*” Đi hay ở cũng có nghĩa là đi làm quan hay ở nhà cày ruộng. Đó là ý xuất nhập bao hàm trong triết học tam giáo. Ở đây thêm cái hiện thực sinh tồn riêng biệt, nó khiến tư tưởng nhà thơ có một sức mạnh lạ lùng. Câu này sau ông gửi cho các học trò như một lời tâm sự khác thường về ý hướng hành động của ông. (xem phần sau). Trở lại bài thơ, ông nhắc đến Hạ Hầu Thắng đời Hán, giỏi kinh thư, chỉ vì tranh luận về tên thụ của Vũ Đế mà bị hạ ngục. Nhắc đến Tô Đông Pha, vì chống Vương An Thạch mà bị truất; sau lại vì vài bài thơ cũng bị ở tù. Cả hai nhân vật ấy cuối cùng rồi cũng được tha, ra làm quan như cũ. Phải chăng ông hy vọng ở ý ấy, hay chỉ là lời an ủi cốt giữ cho người thân an tâm; hay chỉ nhắc lại như một kinh nghiệm lịch sử mà ông vẫn lầm lũi bước vào? Bước vào ta mới thấy ra: cạm là thế ấy bấy là thế kia. Bước vào ta mới thấy mọi sự vụ rất ly kỳ quái dị là “*ngôi sao rượu*” như ta mà lại bị nhốt trong tù! Nhìn cái gông, trông như cái thang. Giá nó là cái thang mây thì ông sẽ cười ha hả khoa tay leo lên theo gió. Lên cao chín tầng mây thoát tục, thoát tù, để thấy :*bóng thiếu quang thấp thoáng bóng Nam san. Ngoảnh mặt lại cửa hoàn coi cũng nhỏ* (bài Chén Rượu Tiêu Sầu)

TRƯỜNG GIANG THIÊN

|

*Nhậm giao thù thị nhậm thù phi
Tống dữ nhân gian quản nhục ky
Thượng thủ bạn tương tam xích giản
Hiếp kiên duệ trước ngũ thù y
Hiếu từ phé thạch khai phong khứ
Mộ bạng ô đài quả nguyệt qui
Ký đắc tạc tiêu kinh tích lịch
Hòa tiên biên xứ lẫm thiên uy*

(Trái với phải kệ ai phải trái
Cái gông đeo là cái nhục rồi
Giờ lên vương mảng tội đồ
So vai áo mỏng cơ hồ rách toang
Sáng ngược gió vác gông khai báo
Chiều đeo trắng ngơ ngáo về cùm
Đêm qua sấm chớp đùng đùng
Cái roi nhóa lửa thị hùng thị uy)

II

Thủ bả trường giang cánh khấu tâm
Ngô sinh vị để mạn tương tầm
Ngẫu hành vị khả đa tăng ảnh
Bạ thụ ưng tri bất quý khâm
Đỉnh đỉnh bách niên bi ngạnh phiếm
Lao lao chung nhật tỉnh cơ thâm
Tiện đương tế chúc song hàng tá
Minh trước Nghiêu Phu thiện sự ngâm
(Bị cùm trói hỏi lòng có biết
Mắc mớ gì gặp miết cái gông
Lòng rằng đã quyết thì không
Đi không hổ bóng ngủ không thẹn lòng
Thân trôi dạt trăm năm ròng rã
Cám cảnh tù vất vả ngày đêm
Chê gông ra viết một thiên
"đã làm đúng việc an nhiên ở tù"

III

Đạp hướng danh đồ bất diệu đầu
Ngã vô hành dã diệc vô lưu
Thi tài đáo để liên Tô tử
Thư nghĩa chung tu thuyết Hạ Hầu
Trước cước khởi tri cơ sự giới
Phấn nhiệm trường quái tửu tinh tù
Hà đương giá tác vân thê khứ
Nhất tiểu thừa phong ôn xấn hưu
(Bước vào đời đầu ngay ngực thẳng
Ở hay đi chẳng bận lòng ta
Hạ Hầu cho tới Đông Pha
Vào tù ra khám vẫn là thơ văn
Đời quàng cẳng chữa tin mắc bẫy
Vénh râu lên sao đã bị tù
Vác gông làm cái thang mù
Cười vang một trận leo vù lên mây)

(trích Cao Bá Quát Giữa Hồn Thiêng Sông Núi - Ước Trai xuất bản 1985)

Cao Bá Quát: tiếng hú dài cõi mộng

tản luận

Tiếng hát tâm không ấy vĩnh viễn lan trong không gian cô tịch, giữa một buổi chiều xuân xứ Huế, hình như đã nhập vào những đôi môi đôi mắt trợ trợ Thừa Thiên, khiến thiên nhiên thành cõi mộng. Cõi mộng nào cũng có trăng. Trăng như con người mở lớn. Trong trăng có mộng, và trong mộng có trăng. Trăng cũng là mộng. Mộng là trăng. Người đi vào cõi mộng là người đi vào cõi trăng. Khi tỉnh ra rồi thì không biết người là trăng hay trăng chính là người. Con đường của Trang đi là con đường của cõi mộng. Trang mở mộng bằng đôi cánh chim Bằng, lướt theo gió lớn. Trang trở về bằng đôi cánh bướm mùa xuân (*bướm trắng Nhất Linh*) nương theo gió nhẹ.

Xưa Trang chiêm bao thấy mình là bướm, vui phận làm bướm, tự thấy thích chí, không còn biết có Trang nữa. Chợt tỉnh giấc, thì lại thấy mình là Trang. Không biết Trang chiêm bao là bướm, hay bướm chiêm bao là Trang ?

Đó là tâm trạng và tâm thức của những tâm hồn đã hoàn toàn vui trong cõi mộng và ám trong cõi đời. Cao Bá Quát cũng có niềm vui ấy, và nỗi ám ấy. Nhưng rốt cuộc ông vẫn một mình bươn bả ở ngoài trăng. Ông vẫn mãi mãi là nỗi-thao-thức-không-rời về thân phận con người trong lưới đời giăng mắc. Ông vẫn mãi là chính ông ngay trong đáy mộng. Không có cách gì hóa bướm. Nơi trại giam đã hai lần đổi chỗ, ông đã thấy mười cuộc trăng tròn – mười giấc mộng trôi xa. Mắt ông mở lớn cho bằng với mắt trăng. Trăng khi nào cũng sáng, cũng vàng vạc như bao mùa trăng cũ...Mắt nhìn trăng trừng trừng như định mạng. Chân ông chôn kín một góc trời. Bây giờ ông nhận ra một điều hết sức kinh hãi là ở tù lâu quá đâm quen cả với không gian tù. Chỉ còn trăng là tiếng gọi duy nhất ngoài thế giới xa kia. Và chỉ có cánh chim Bằng của Trang mới đưa được ông tới đó. Ông mượn hay giật đại cánh chim Bằng của Trang để hỏi hả bay đi. Ông không biến thành chim, thành Trang hay thành bướm. Ông vẫn là ông. Và ông bay đi không phải để ngêu ngạo vui thú, mà để trải nghiệm, tìm thắm một tiền kiếp xa xăm của chính mình. Nơi vàng trăng ngọt là một rừng quế. Vì thế cung trăng còn gọi là cung quế. Trăng muôn đời thơm mùi cây quế. Hay quế của muôn đời thơm đậm mùi trăng? Hỡi ơi nơi cõi mộng đầy quế thơm lại là nơi đầy đọa một người. Người ấy họ Ngô, họ Vũ, hay họ Cao? Thừa đó là người đi tu tiên vào thời Hán, thời Hùng, thời Đinh Lê Lý Trần? Đã thành tiên mà còn mắc tội để đến nỗi bị đày! Tội lỗi là gì vậy? Tại sao lại bắt ông ta đi chặt quế ? Hỡi ơi quế là loài linh mộc, da thơm và cay nồng như màu mắt Thừa Thiên, không một loại dao kiếm nào có thể chặt được. Chặt đến đâu, da quế liền lại đến đó. Đã không muốn chặt, và chặt cũng không được, thì suốt đời chịu đóng đinh trong rừng quế mà thôi! Ôi té ra bị đày vào rừng quế cũng còn là một công án ? Ông tiên họ Ngô bước ra từ cây quế, hay từ cây quế bước ra, đơn đả kéo tay ta đến bên một cây quế thì thắm. Ôi mùi quế lầy lừng làm ta bối rối hoang mang, tim đập thình thình. Hình như ông nói miên man mơ hồ về kiếp trước của ta ? Hình như ta với trăng là một đôi tình nhân kỳ lạ? Lời ông nhỏ quá, nghe vo ve văng vẳng như tiếng ong trong rừng vắng. Ta làm sao nhớ được. Quế vẫn ngọt ngào, trăng vẫn long lanh. Ta không chịu nổi. Ta khoa tay từ già – ta bàng hoàng chia tay. Khắp châu thân đầy rẫy mùi quế. Nội phủ căng phồng, tứ chi mẫn tức. Hốt nhiên ta bật ra tiếng hú – tiếng hú dài theo ngọn gió nam sà xuống Thừa Thiên. Tiếng hú dài liên miên vang vọng khắp phương trời chiêm bao trùng trùng điệp điệp.

Tiếng hú dài cõi mộng. Mộng ở Thừa Thiên hay mộng nơi cung quế? Các bạn ta ơi! Bây giờ là rằm tháng sáu. Trăng tháng sáu tròn hơn trăng tháng năm? Trăng tháng năm tròn hơn trăng tháng tư? Ta một mình nâng rượu mời trăng, nâng rượu hỏi trời. Ôi có phải trời đất bắt nhân coi mọi loài như loài chó rơm? (*thiên địa bất nhân dĩ vạn vật vi số cấu – đạo đức kinh*) Ôi có phải hạt cơm thì trắng, hạt nước mắt thì đen? "*các bạn ta ơi bao giờ được thả? Đến bao giờ ăn được bát cơm ngon?*"(*lời nhạc Nam Lộc*). Trời đất mệnh mang làm sao ta hỏi. Thôi thì bắt chước người xưa làm thơ con cóc. *Con cóc là cậu ông trời...ai mà đánh nó, nó bèn ...làm thơ...Làm thơ hỏi cháu trời cao: tại sao thi sĩ lại đi ở tù?*

LỤC NGUYỆT THẬP NGŨ DẠ NGUYỆT
HẠ TÁC PHỤNG KÝ CHƯ CỔ NHÂN

*Cơ lưu lưỡng thiên thứ
Thập kiến hải nguyệt viên
Nguyệt cận bất cải sắc
Khách cư hành dĩ biến
Ngã dục sáp song thí
Phi bộ lãng tử yên
Lộ phùng Ngô tiên nhân*
Âp ngã quế thụ biên
Tương kiến vị khoản khúc
Tự thoại dư sinh tiền
Ngữ tế liễu bất ký
Huy thủ nam phong điền
Quy lai nhất trường khiếu
Bả tửu dục vấn thiên
Thiên cao bất khả vấn
Thả phú tù sơn thiên***

TRĂNG RẪM THÁNG SÁU
GỬI CÁC BẠN TA OI !

*Phòng giam đã hai lần di chuyển
Mười con trăng trên biển mù xa
Trăng nay vẫn sáng như là
Người nay bỗng phải quen nhà tù lao
Có lúc muốn chấp chao đôi cánh
Lên chín tầng mây tía lô nhô
Chợt ông tiên cũ họ Ngô
Ở bên cây quế kéo vô vãi chào
Gặp nhau những nghẹn ngào đón tiếp
Kể huyền thuyên duyên kiếp trước sau
Thì thào không thể nhớ ngay
Sà theo ngọn gió khoa tay giã từ
Về thế giới hú dài một tiếng
Nâng rượu lên hồi chú trời cao
Trời cao hỏi được đâu nào
Làm thơ con cóc ra vào ta ngâm*

* trong bài Thiên Cư Đối Nguyệt, Cao Bá Quát cũng nhắc đến ông tiên này:” *dục bằng Ngô Chất phủ, chiết quế hợp đơn thành*” nghĩa là ta muốn mượn cái búa của Ngô Chất để đẽ cho được nhành quế. Ngô Chất là người thời Tam Quốc, tự là Quý Trọng, cũng gọi là Ngô Cương, có tài thông bác, các bậc quyền chức đương thời đều kính nể. Sau đi tu tiên. Đồn là thành tiên nhưng phạm lỗi thiên đình bắt phải đi chặt quế !

** Tù Sơn là tên một bài phú của Liễu Tôn Nguyên đời Đường. Chúng tôi không dịch nghĩa mà chỉ lấy ý cho trọn nhịp hứng của bài thơ.

(trích Cao Bá Quát Giữa Hồn Thiêng Sông Núi - Úc Trai xuất bản 1985)

Cao Bá Quát: thơ vẫn bay ...

tản luận

Thế là sau những năm tháng tù đầy cùng quẫn, những năm tháng phiêu dạt tha hương, Cao Bá Quát đã hình thành một đường gươm tuyệt thế: đó là Mai Hoa Thi Kiếm. Kiếm pháp này lấy căn bản ở chữ Vô, biến thể sang Hữu, và hiển thị ở Sinh. Từ Vô sang Hữu, lưỡi kiếm nhấp nhô như sóng mà không đóng lại ở một góc độ nào. Kiếm động thì người động, kiếm tĩnh thì người tĩnh. Người và kiếm vừa có thể phân biệt, vừa có thể không phân biệt. Như giòng sông đang chảy cuộn cuộn giữa khoảng không bao la. Trời mây in đáy nước. Đáy nước vọng trời mây. Nước chảy thì mây trôi. Giữa cái hữu hạn và vô hạn hốt nhiên cùng riu rít. Bởi thế ông mới làm được câu *trường giang như kiếm lập thiên thanh (giòng sông gươm lập lánh trời xanh)*. Nước ở đâu trời ở đó. Giữa Có và Không, vừa có thể phân biệt, vừa có thể không phân biệt. Nước chảy đến đâu, lập tức cỏ cây hoa lá còn trùng nảy sinh ở đó.

Đầu mùa thu năm 1843, từ Đà Nẵng, ông về thăm nhà cửa bố mẹ vợ con làng xã. Cuộc trở về này không phải là một, nhưng lại là cuộc trở về quan trọng trong ý nghĩa về nguồn. Rất tình cờ ông nhặt được cuốn truyện dài bằng thơ lục bát ở nhà người hàng xóm. Tên truyện là Hoa Tiên, tác giả là Nguyễn Huy Tụ. Tuy chỉ là chuyện tình dựa theo một bản ca của Trung Hoa, nhưng Cao Bá Quát lại nhìn ra cái tinh túy của thi ca Việt Nam. (cũng như trường hợp Truyện Kiều của Nguyễn Du). Truyện bắt đầu từ việc ân ái riêng tư của vợ chồng; rồi đến đạo cha con; nghĩa vua tôi; mối giao tình thân thiết giữa bạn bè; lòng thương yêu anh chị em trong nhà. Lớn thì triều đình nhà nước, kế sách binh cơ, khen thưởng khuyến khích việc trung nghĩa tiết liệt. Nhỏ thì chuyện người việc đời, cả đến cỏ cây khí hậu thời tiết. Lời văn mới lạ, ý nghĩa đoan trang. (*Kỳ vi thuyết dã, khởi ư phối thất chi tế, tình ái hiệp nật chi tư, nhi đạt ư phụ tử chi luân; chủ thân chi nghĩa; bằng hữu thiết tư chi nhĩ; huynh đệ tương hảo chi tình. Đại nhi triều đình, binh mưu, bao trung khuyến tiết chi điển. Tiểu nhi nhân tình thế thái, phong khí thảo mộc chi vi. Kỳ văn kỳ, kỳ nghĩa chính.*) Đó là nhận xét đầu tiên của ông. Lúc đó lòng ông đang chan chứa bao nhiêu mối u tình. Lớn, cũng những chuyện triều đình đất nước. Đất nước ông đang rối loạn, lại có nguy cơ bị ngoại xâm bởi người phương Tây. Nhỏ, thì chuyện mình chuyện nhà. Mình thì tù đầy, lang thang thất nghiệp. Nhà thì dọn, con chết, chị chết. Hoàn cảnh bi thương đen tối, nhưng lòng ông lại rất trong sáng hào sảng. Ông viết: “ *Sự đau khổ của con người không ngoài một chữ tình, mà cái khó trong đời là duyên gặp gỡ. Từ đó suy ra tính tới, thì cái lý trong thiên hạ đã thông được quá nửa rồi. Vì thế ta có mối cảm đặc biệt với truyện Hoa Tiên. (Phù nhân mặc khổ vu tình, nhi mặc nan vu ngộ, dẫn nhi thân chí, xúc loại nhi trường chi, tặc thiên hạ chi lý, tri quá bán hĩ. Ngô ư Hoa Tiên lương hữu cảm yên.)* ”

Cái mối cảm đặc biệt với truyện Hoa Tiên không hẳn chỉ có vậy. Bởi vì mở đầu cho bài tựa truyện Hoa Tiên, ông đã đặt một câu hỏi lớn: “ *Sống trên đất nước Việt Nam này ta có thể bỏ được chữ quốc ngữ của ta không?* ” Câu hỏi mà ai cũng phải đáp: “ *Không bỏ được* ” (*Bất khả dã!*) Ôi đã không bỏ được chữ quốc ngữ thì những truyện viết bằng quốc ngữ như Hoa Tiên, Kim Vân Kiều, ta có bỏ được không? (*Độc quốc ngữ dã, Kim Vân Kiều, Hoa Tiên, chi thư khả phế hồ?*) Dĩ nhiên ta cũng không thể nào bỏ được. Làm sao bỏ được khi đó là những tác phẩm lớn, viết bằng tim óc của người xưa! Làm sao bỏ được khi đó là những tác phẩm viết bằng chính lời nói của nước ta, góp công tô chuốt nền văn chương dân tộc riêng biệt của ta! “ *Nước Việt ta, từ sau Hàn Thuyên, các tác gia mọc lên như rừng: nào thơ cổ cận của Ôn Như Hầu, kích thước ngang với Đỗ Phủ thời Đường; Nào điệu cung từ của Nguyễn Hữu Chính diu dặt như thời Hán, Ngụy... Còn như về văn chương tiểu thuyết, cho đến nay ta mới thấy Hoa Tiên và Kim Vân Kiều là bậc nhất.* ” (*Ngã quốc Hàn Thuyên chi hậu, tác gia lâm lập: Ôn Như cổ cận, quy mô Thiếu Lăng; Bằng Quận Công cung từ, tri sậu: Hán, Ngụy. Chí vu chuyện khúc chi công, ngô phục đắc Hoa Tiên, Kim Vân Kiều yên.*)

Thế thì cái nhìn và cái mộng của Cao Bá Quát đã là một nhịp liên tục từ Nguyễn Trãi đến Nguyễn Du, ông đã thấy sự cần thiết phải có của văn chương dân tộc ghi bằng quốc ngữ. Và

ông cũng đã tự hào về nền văn chương dân tộc ấy. Ta có thể đặt câu hỏi: Đã thế sao Cao Bá Quát không làm thơ bằng quốc ngữ? Xin thưa: những bài hát nói ông đã thử làm, vốn cũng đâu phải là tầm thường như ta đã thấy. Nhưng trước lịch sử văn học dân tộc, Cao Bá Quát cảm được sự thiêng liêng của hồn sông núi, nên ông hết sức rụt rè khiêm tốn: *Dùng quốc ngữ làm văn chương thì ta chưa dám (Dĩ quốc ngữ vi văn chương, ngô vị cảm dã.)* Cho nên ông chỉ dám dùng văn chương để xem quốc ngữ mà thôi (*Câu dĩ văn chương quan quốc ngữ, tắc ngô thiết hữu thủ yên.*) Đây là bởi ông hết sức thành thật. Tác phẩm của người xưa sừng sững, ông tự liệu mình không thể vượt qua. (Cái học từ chương lệ thuộc Trung Hoa của triều đình nhà Nguyễn bấy giờ đã khép chặt mọi cửa ngõ của sĩ tử Việt Nam.) Nhưng lòng ông vừa cảm phục vừa hãnh diện, lại vừa ngửa ngáy háo hức muốn la lớn hét to cho thiên hạ cùng cảm phục, cùng hãnh diện với ông về văn chương dân tộc. Tâm tình ấy thật khác hẳn thái độ ngạo mạn khinh bỉ mà người ta đã gán cho ông !

Ồi người đời đã hiểu khía cạnh khinh thế ngạo vật của ông theo kiểu người đời. Bởi vì người đời xem Hoa Tiên, Kim Vân Kiều là những cuốn dâm thư, lăng lợ, gian dối! Họ đâu có buồn xem cho hết ngọn ngành. Thời đại Cao Bá Quát, người ta đua nhau làm thơ chữ Hán để ngâm vịnh tặng bốc nhau. Thi xã, hội thơ... mọc lên như nấm. Bao nhiêu thơ xưa, điển cũ bên Tàu được đem ra làm khuôn vàng thước ngọc mà trích, mà họa, mà nhái... Chúng ta sẽ được Cao Bá Quát phân tích việc này trong bài tựa tập thơ của Tùng Thiện Vương. Ta cũng chắc rằng cái không khí văn chương tháp ngà lai căng và vong bản nhồn nháo thời đó đã làm ông có lần phải bịt mũi :

*Ngán cho cái mũi vô duyên
Câu thơ thi xã con thuyền Nghệ An*

Trong bài tựa truyện Hoa Tiên, ông viết: “ *Gần đây, những kẻ khinh bạc, đem Hoa Tiên ra làm chuyện đầu môi chót lưỡi, những người cầm bút không xem xét ngọn ngành, vội cho là lời văn dâm dăng, khúc lăng lợ, đáng buồn biết bao!*” (*Cận thế khinh bạc, chi đồ, tư vi thoại binh, thao cô giả vãng vãng bất sát, ủy vi dâm từ, diễm khúc, khả bị dã phủ!*)

Bởi vì người ta lúc ấy có mặc cảm làm văn thơ bằng quốc ngữ là quê mùa cục mịch, sao bằng viết chữ Hán, vẻ trí thức cao sang! Cũng tựa như gần đây, người ta rập theo Tây theo Mỹ. Nói hay viết mà không có tí Tây Mỹ vào thì bị xem là nhà quê, thất học. Có kẻ còn công khai bài bác văn chương Việt Nam; ca tụng văn học ngoại quốc. Ta chẳng lạ gì chuyện đó. Bởi có thể mới thấy được lòng người và tình người.

Trở lại vấn đề quốc ngữ và truyện Hoa Tiên, Kim Vân Kiều cùng với nền văn chương dân tộc, Cao Bá Quát viết tiếp: “*Nếu chỉ xem quốc ngữ là quốc ngữ thế thôi thì hai cuốn Hoa Tiên và Kim Vân Kiều, có hay không, cũng không thành vấn đề nữa. Nhưng nếu muốn làm cho rực rỡ nền văn chương dân tộc của ta, làm cho rõ thế nào là văn chương dân tộc của ta, thì quý vị yêu văn sẽ phải nghĩ gì ? Làm gì?*” Câu hỏi này, chính ông đã đáp từ đầu khi ông tâm sự: “*Ta bị về vườn đã lâu, ngẫu nhiên thấy cuốn truyện Hoa Tiên trong sọt sách cũ của ông hàng xóm, bèn lấy đọc. Trong lúc buồn bã cùng quẫn, gặp cuốn sách này thật chẳng khác nào tìm được vật báu quý giá. Ta mạo muội kiểm điểm từng trang, muốn sửa vài chỗ sai lầm, bớt vài đoạn dài dòng, để thành tác phẩm hoàn mỹ. Nhưng bỗng có việc gấp, phải đi xa, đành chịu bỏ dở dang.*” Việc nhuận cuốn Hoa Tiên bị bỏ dở, thì ý ông muốn khi in ra sẽ được các bạn yêu văn tiếp ta sắc y tô điểm, tiếp tay phổ biến.

Câu cuối cùng của bài tựa cũng là lời tuyên dương rực rỡ nhất về thi ca: “*Kim Vân Kiều đạt thế ngữ, Hoa Tiên tắc cảnh thế ngữ dã*” (*Truyện Kiều là tiếng nói hiểu đời, Hoa Tiên là tiếng nói răn đời.*)

Hốt nhiên cả một trời thơ dào dạt, lời ca dao, tiếng ru, điệu hò, bài ca phùng vãi, khúc hát quan họ, bản chèo...những chuyện cổ tích xa xưa, chuyện sử điển ca tráng lệ, cuộc đời mưa nắng gió sương, tình đất, lũy tre, nghĩa quê, lòng biển...tất cả đều lồng lộng bay giữa hồn thiêng sông núi...Thơ sẽ phải bay giữa hồn thiêng sông núi! Và chỉ có hồn thiêng sông núi mới đủ từ uy giữ cho thơ không lạc lối mê đường.

Đó là tất cả nguồn cảm hứng, tâm tình trầm trọng, mộng ước ban sơ, mà Cao Bá Quát đã trao thân gửi phận cho Thơ, đã trân trọng đặt cho Thơ một sứ mệnh vừa thiêng liêng vừa hào hùng.

(trích *Cao Bá Quát Giữa Hồn Thiêng Sông Núi - Ước Trai xuất bản 1985*)

Cao Bá Quát: ngày sinh của thi sĩ

tản luận

Ta không có tài liệu gì về bản án chữa văn của Cao Bá Quát. Hoặc có mà chưa tìm được? Hoặc tìm được mà chưa công bố? Hoặc công bố mà chúng tôi không được đọc? Cho nên muốn tìm trong thơ. Nhưng thơ ông cũng chưa công bố đủ. Những bài hiện có rất ít khi thấy nói về sự vụ ấy. Trong bài *Hý Tặng Phan Sinh*, chỉ cho biết rất mù mờ. Phan Sinh tức Phan Nhạ, người cùng coi thi, cùng can án với Cao Bá Quát. Bài này ông tự có lời dẫn: *"Ông Trương Quốc Dụng thường đùa, đem tên tôi với tên Phan Sinh chiết tự ra, nghe cũng hay. Mỗi lần đọc thơ Tô Đông Pha, chợt nhớ đến tôi lại phì cười."* Tô Đông Pha là nhà thơ Trung Hoa, đời Tống. Năm 1078, Tô bị sàm tấu phải ngồi tù. Lẽ ra cũng bị tử hình, nhưng vua Thần Tông đặc miễn, lại cho em Tô là Tử Do đổi quan chức chuộc tội cho anh. Rồi Tô bị đổi đi Hàng Châu. Thơ ở Hàng Châu có câu:

*Tự tiếu bình sinh vị khẩu mang
Lão lai sự nghiệp chuyển hoang đường.
(tự cười mình thường để bị vạ miệng
Đã già mà sự nghiệp càng hoang đường.)*

Cao bá Quát viết:

*Bình sinh vị khẩu lãng thành chân
Tiểu dữ Pha ông thoại hậu thân*

Ông muốn nói rằng ở đời thường hay bị vạ miệng, đùa hóa thật. Ông chỉ buồn cười vì câu chuyện chiết tự, về cái trường hợp của ông như là hậu thân của Tô Đông Pha. Nghĩa là ông cũng bị sàm tấu, gièm pha mà chịu tù đày. Cái lối hoán chuyển và chơi chữ của ông đã là một nụ cười. Nụ cười rất mực trượng phu chữ nghĩa. Ông viết tiếp: *"nếu anh không hé răng thì ai kiện được tôi? Tôi tuy có lưỡi, mà lưỡi tôi không đổ cho người. Nhớ xưa hai ta là bạn đồng lòng, tình thắm sạch như cỏ chi cỏ lan. Bây giờ trở trêu thay, trong cơn mưa gió phong ba cuộc đời, ta lại ở chung một nơi: nhà giam! Thân ta bị ràng buộc chẳng qua giữa thân và vật đã có lời cười mang, có liên hệ mật thiết với nhau. Vì thế mà tuổi trẻ đã từng biết đường đời, trải mùi đời."*

HÝ TẶNG PHAN SINH

*Bình sinh vị khẩu lãng thành chân
Tiểu dữ Pha ông thoại hậu thân
Tử cấu vô nha thùi tốc ngã
Dư duy hữu thiết khởi thối nhân
Chi lan nhất ức đồng tâm lữ
Phong vũ thiên giao nhất xứ thân
Cơ bạn thử thân câu hệ vật
Thiếu niên đoan đích lược tri tân*

ĐÙA TẶNG PHAN SINH

Đùa hóa thật vẫn thường vạ miệng
Chỉ tức cười duyên nghiệp ông Tô
Lưỡi ta không đổ cho người
Mà người hờ miệng để người kiện ta
Tình bạn cũ xem ra thơm tốt
Gió mưa này cùng nhốt một nơi
Nạn tù thân phận cuộc đời
Tuổi xuân đã trải bến bờ cuộc đi

Câu “thiếu niên đoan đích lược tri tân”(tuổi trẻ nhưng đích thực đường đời đã trải qua nhiều bờ bến) Cao Bá Quát làm để nhấn mạnh câu của Tô Đông Pha: “thử sinh hà chỉ lược tri tân”(đời ta đâu hẳn chỉ để biết qua những bến bờ.). Thơ ông thật không hề có sự mỉa mai cay đắng, dù đời ông chịu bao nỗi đắng cay mai mỉa. Ông không hề tỏ ra oán hận đời và người. Ngay Phan Nhạ, một người từng là bạn thân, đã đồng ý với ông trong việc dùng muội đèn chữa cho 24 quyển văn, không vì lợi mà vì lòng lân tài. Đến khi được hỏi, Phan đã không kín miệng, hoặc bị thẩm vấn gắt; Phan đã khai đổ hết tội cho Cao. Ông biết thế mà chỉ cười trong bóng tối xà lim. Sự trách móc Phan rất nhẹ, trong thơ như một câu đùa. Phải chăng, ngoài tấm lòng thành thật, ông còn gắn bó với quan niệm nhân sinh của chính ông: *cơ bạn thử thân câu hệ vật (thân này bị nạn chỉ vì mối quan hệ ràng buộc với nhân sinh)*. Ông xem thế giới bên ngoài, và thân phận cá nhân có sự cưu mang gắn bó. Đã vào đời thì thân tâm phải mở rộng (xả kỷ). Quan niệm này cũng thường thấy trong Phật giáo. Cao Bá Quát còn đem giòng máu nghệ sĩ vào xiển dương và thể hiện như một bài hùng thi ngạo ngạt mùi người.

Lòng đi góp gió sương mù
Lòng xin lửa tuyết đắp bù khói hoa
(thơ Bùi Giáng)

Đắp bù khói hoa là đền bù những sai biệt bất công trong xã hội, trong cả sự bất toàn của con tạo búng tay. Đây không phải là cơn say điên dại, mà là tâm tình thương yêu và tỉnh thức; là đại nguyện của Duy Ma Cật, là trách nhiệm của kẻ sĩ. Cho nên đứng trước một biến cố, Cao Bá Quát rất bình tĩnh, cho dù biến cố ấy có thể đưa đến chỗ khốc liệt: tử hình! Ông đã đau đớn trong biến cố, run sợ trong biến cố, và tự tại trong biến cố. Bởi Cao Bá Quát không những đứng được trên biến cố, mà còn vượt qua biến cố. Ta đã thấy thơ ông viết trong tù. Có lẽ ông đã bùng vỡ tri thức về con người. Nếu ông phẫn nộ, là phẫn nộ về thân phận con người. Và tố cáo ngấm ngấm về sự bất toàn của tạo hóa. Ông nhắc đến trời như một tay thợ vụng, một kẻ bất lực. Trong thơ, ta bắt gặp rất nhiều ánh mắt liếc nhanh, hay lơ đi khi nói tới trời. Cho nên ông chủ trương người đùm bọc người, người cưu mang vật, người trách nhiệm chính mình.

Bài *Hàn Dạ Tức Sự*, vẫn trong thời gian lao ngục, vào mùa đông lạnh lẽo, ông nằm không ngủ được. Gió quẩn trong gối buồn. Hơi lạnh luồn trong xương. Ông lấy chăn chiếu cho chú nô bộc, và bạn tù đắp thêm. Lòng nhớ nhà giằng giặc. Đêm càng khuya càng thấm thía. Vụ án sẽ kéo dài sang năm khác. Ông tự bảo, đừng nghĩ ngợi lan man làm gì. Có lúc ông khoa tay toan viết lên không, rồi lại cười trừ vì không quen viết như thế. Đó là ông nhắc đến chuyện Ân Hạo đời Tống, làm quan bị cách vô cớ, viết cả ngày lên không bốn chữ: “đốt đốt quá sự!” (*cha chả chuyện lạ!*). Ông không viết, bởi vì Ân Hạo đã viết, hay vì ông đã biết thì cũng thế thôi. Cái cười của ông lạ biết bao. Tại sao lại đừng nghĩ, đừng viết?

HÀN DẠ TỨC SỰ

Hồi phong xuy quyện chằm
Sốc khí bội thể nhiên
Xuyết tịch giao nô phú
Phân khâm tá khách mien
Hương sầu duy phạm dạ
Thân sự dục qua niên
Mạc tác du du tưởng
Thu không tiếu vị biên

ĐÊM LẠNH TỨC SỰ

Quần đầu giường gió hiu hắt thổi
Quạnh hơi đông lạnh đổ ruột gan
Đem chăn lấy chiếu sê san
Thêm hồng giác ngủ trần gian cho người
Nỗi nhớ nhà chập chờn khuya khoắt
Nghịch thân tù phải chắc qua năm
Thôi đừng nghĩ ngợi bản khoán
Khoa tay toan viết lại dẫn cười khan

Trong bài *Tội Định*, Cao Bá Quát ghi lại tâm cảnh của một người tù đã can án. Ta không chắc bài này ông làm khi bị khép tội tử hình, hay khi đã được giảm thành *giảo giam hậu*. Ông viết: *tội đã định rồi, thì tấm thân này còn dung làm gì được nữa. Hỡi ơi, tài hèn đức mỏng mới ra nông nổi ngặt nghèo bây giờ. Mỗi trường hợp, mỗi cảnh giới đều được tạo hóa dựng ra mà không giải quyết. Thôi cũng yên tâm là từ nay thoát khỏi những vụ tra khảo đánh đập vô lý. Con thỏ tinh khôn cũng biết đào ba hang khi lượn nhau để tránh nạn săn đuổi mà tự tồn; thì con chim chích cũng không đậu một cành để bị giết. Những người quen biết quyền thuộc đến hỏi thăm ta. Ta biết nói gì. Chỉ biết chống tay vào cằm ngồi yên lặng ngâm nga.*

TỘI ĐỊNH

Tội định thân hà dụng
Tài sơ ngộ độc kỳ
Đào chân tri hữu tại
Chủy sơ hạnh sở từ
Giảo thổ năng tam quật
Tiêu liêu khởi nhất chi
Sở thân kinh vấn tấn
Ngâm tọa thủ chi di

ĐỊNH TỘI

Định tội rồi thân ra gì nữa
Tài đức sơ kẹt giữa gông cùm
Chắc chi con tạo làm giùm
Cũng hên hết bị lùm đùm khảo tra
Con thỏ khôn đào ba hang khi
Kiếp chim di nào chỉ một cành
Thân bằng sợ hãi hỏi quanh
Chống cằm lặng lẽ ngâm nga một mình

Trong bài ca trù *Nghĩ Tiếc Cho Ai*, Cao Bá Quát có câu:

*Ngã diệc tri phi ninh tác ngã
Nhan vô bất thị thả khan nhân
(ta biết ta trái, nhưng ta thà là ta
Người ai cũng phải, hãy đợi xem người.)*

Thật là một câu khẳng khái của một nhân vật gặp nhiều vận trái ngang giữa một thời tang thương ngẫu lục. Câu nói ấy bỗng đồng vọng câu nói của Khuất Nguyên: "đời đục mình ta trong; đời say mình ta tỉnh". Cao Bá Quát thường nhắc đến chữ *thị phi*, và mong mỗi thấy sự thị phi được phi thị.

Sử sách không ghi ngày sinh của Cao Bá Quát. Người ta căn cứ và lý luận trên văn thơ của ông để phỏng đoán ông sinh vào khoảng năm 1809 (kỷ ty). Tức là lúc ông bị khép tội vừa đúng tuổi 33.(1842), nhưng hình như những con số đó không hề làm ông bận tâm. Điều ông bận tâm là sinh ra để làm gì, và để về đâu? Tạo hóa có ý gì khi sinh ra con người? Tại sao đã là người lại bị từ chối làm người? Ông sinh ra, đã lớn lên, đã sống, đã hành xử như một con người. Nhưng bây giờ bị tước đoạt tất cả quyền sống ấy. Và rồi ông phủ nhận sự tước đoạt ấy bằng cách lại sinh ra. Có lẽ tự ông sinh ra ông, không phải cái lão tạo hóa ; thì từ nay ông có quyền tuyệt đối về bản thể và tâm thể của ông. Đó là lý do chính đáng chẳng khi ông viết lời tựa cho bài *Cửu Nhật Chiêu Khách*: *Ta bị tống giam năm ngoái, ngay hôm sau là ngày trùng cửu (mùng 9 tháng 9). Nay đúng ngày tháng đó, thấy đời mình nếu may không chết, thì cũng không còn là mình ngày trước. Dù muốn lên cao tìm may cũng không được. Nên rót rượu mời tám chín người bạn chung quanh tuyên bố.*" Đây là tiệc sinh nhật kiếp này của Mãn Hiên!". *Ai cũng ngạc nhiên hỏi; ta kể đầu đuôi rồi làm bài thơ này. (Dư khứ niên đại bộ chi thứ nhật, cấp đương trùng cửu. Nhật nguyệt y thời, viên cảm ngã sinh, cầu hạnh bất tử, dĩ phi cổ ngã, nhi đẳng cao chi du, liêu bất khả đắc, nãi trường lân hữu bát cửu tử nhi cáo chi viết: "Thử Mãn Hiên tử kim sinh sơ độ chi tịch dã!" Tọa giả dị nhi vấn chi, viên thuật kỳ do, thả hữu thử phú.)* Thơ ông kể lại chuyện lao tù. *Thấm thoát thu trước đã thu sau sắp hết. Mượn ngày trùng cửu (9-9) ta rót rượu mời. Ngày lành tháng tốt không ai giấu người mắt mũi roi khấn. Chỉ thử ông tiên nhỏ có chịu vác roi nhận lỗi hay không. Nhìn khách trong tiệc đều chính là bọn ta. Mà người nhiều tuổi nhất, lại chính là nhỏ nhất. Tiệc khác, lúc khác, không có cuộc hội họp thế này. Thật là cuộc hội lạ lùng tuyệt diệu. Ta mới ghi lại.*

CỬU NHẬT CHIÊU KHÁCH

*Cơ thể hựu kiến miếu thu thiên
Tiểu bả trùng dương trước túy diên
Lạc mạo thùy thư tân lệnh tiết
Phu kinh sơ thí tiểu ngoan tiên
Nhãn trung khách tử chân ngô bối
Tọa lý tiên sinh chính thiếu niên
Tha tịch tha thời vô thử hội
Thắng du kỳ tuyệt ngã tư biên*

MỜI KHÁCH NGÀY SINH NHẬT

*Cảnh tù ngục cuối thu lại đến
Tết trùng dương rượu nén vài tua
Ngày lành roi mũ chẳng đùa
Thử anh tiên bướng vác bừa chưa chưa
Cùng một tiệc một thuyền một hội*

*Bạc cao niên bổng vợ thấp niên
Tiệc này rõ thật tiệc tiên
Không bao giờ có phải biên việc này.*

Ông tự nhận mình là người lớn tuổi nhất, nhưng bây giờ lại thành trẻ tuổi nhất. Vụ án đã đổi từ xử trăm xuống còn giảo giam hậu, và ngày tổng giam chờ lệnh lại trùng vào ngày tết trùng dương hôm sau. Tức ông sinh ngày 9 tháng 9 năm nhâm dần 1842! Đây không phải là chuyện đùa chơi. Hỡi ơi, ngày sinh của thi sĩ chính là ngày tái tạo cuộc tồn sinh trên mép rìa sinh tử.

*Giã từ ổ chín tầng cao
Con chim vĩnh biệt quên chào mái hiên
(thơ Bùi Giáng)*

(trích *Cao Bá Quát Giữa Hồn Thiêng Sông Núi - Ước Trai xuất bản 1985*)

Cao Bá Quát: về mái nhà xưa

tản luận

Suốt bao nhiêu năm, đôi lần nhắm mắt tôi lại bị ám ảnh bởi bước chân lạ lùng của Cao Bá Quát. Sau năm 1975, tỵ địa ở Mỹ, tôi càng bị bước chân Cao Bá Quát dẫm vào giấc ngủ. Nhiều lúc bước chân ông mạnh đến độ làm tôi bàng hoàng thức giấc. Có lúc bước chân ông nhẹ nhàng, dìu tôi đi ngây ngất trên đồi núi quê hương. Có lúc bước chân ấy vội vã thúc bách khiến tôi ú ớ khó thở. Cũng có khi bước chân ông vừa vui vừa buồn, nghênh ngang, và ngờ ngác. Nhưng có lẽ điều tôi bị ám ảnh nhất là bước chân lúc ngập ngừng lúc hối hả mỗi khi ông đi xa trở về nhà. Tôi hình dung ra được cả hai bàn chân to lớn, với hai ngón cái và những ngón con. Bàn chân đạp bì bõm trên những thửa ruộng còn ngập nước phèn. Lún trong những vũng bùn đen. Hoặc chìm vào rêu cỏ. Tôi không hiểu tại sao tôi phát khóc khi tưởng tượng ra như thế! Tôi rưng rưng mê mải dõi theo bước chân ông cho đến lúc ...trời sáng !

Bấy giờ có lẽ vào khoảng thời gian ông đi công cán trở về được gọi vào Bộ Lễ ít lâu rồi bị thải (1843) hoặc vào năm thôi làm giáo thụ ở Quốc Oai (1854). Mỗi lần về nhà là mỗi lần ông bị giao động dữ dội. Có lần nóng lòng sốt ruột, thay vì đi đường cái, thì ông băng đồng đi lối tắt cho nhanh. Ta có thể đoán đó là những lần ông đi thi Hội trở về. Lòng trẻ và hồn mơ. Bây giờ ông trở về từ cõi bụi hồng. Lòng già và trí đạt. Hồn ông ngào ngạt tình thương. Ông đi bộ đến làng Đông Dư thì dừng lại ngập ngừng. Ở đầu sông đã thấy thấp thoáng bóng làng ông. Từ xa đã có thể nhận ra nhờ cây gạo cao lớn. Tại sao nhà không còn cách trở nhiều khe mà chân ông ngập ngừng quá thế ? Mỗi bước mỗi dừng. Không phải vì thiếu người vớng lọng lễ nghi quan cách (*ông còn lạ gì cái chức tước nghi lễ bề ngoài trong đám quan trường.*) Cũng không phải ông chậm bước chờ bạn đến sau. Mà vì gần đây mang nhiều tục lụy. Khói nhân gian đã làm ông đau đớn. Làm mòn môi chí trai. Ông không còn cái bông bột hăng hái thuở thiếu niên nóng bỏng! Trong nhiều bài thơ ông đã nói đến tâm trạng ấy. Không chán nản thất vọng, mà là sự lặng lẽ thông thả của một trung niên hán tử đã từng trải đường đời, việc người. Đường đời cao thấp mật mờ mây khói. Việc người nóng lạnh thất thường như nắng mưa. Ông vẫn chưa hên thật được lúc nào là lúc treo mũ từ quan. Chưa biết chắc đâu là nơi ông về đóng cửa vườn rau. Nhà ông có nửa mẫu ruộng hoang từ lâu không ai dòm ngó, cỏ dại mọc cao ngập đầu. Họ hàng thân thích mỗi ngày mỗi thưa thớt qua lại. Ông biết đối với bà con, chưa có được bữa tiệc bò dê mời họ. Không biết đến bao giờ. Đời ông chỉ toàn là ly biệt. Ông nghĩ đến bước đường bôn tẩu phía trước mà ngùi ngùi. Lòng ông không biết bao nhiêu cơ man tình cảm. Ông lặng lẽ nhìn trời. Trời đã tối rồi, dừng chân nơi đâu. Có lẽ ông sẽ ngủ trọ ở làng Đông Dư này thôi.

Sa hành để Đông Dư, ký mộ lưu túc

Giang đầu vọng cố hương
Cố hương vị tu trở
Như hà hành bất tiền
Nhất bộ nhất diên trừ
Phi quan phạt dư lệ
Ninh vị đẳng trừ lữ
Cận lai phụ tục lụy
Tráng đồ bán tiêu tử
Thế lộ canh yên vân
Nhân sự như hàn thử
Vị hữu quả quan kỳ
Sài môn tại hà hử
Bán mẫu cựu điền viên
Vu uế dĩ bất cử
Thân thích nhật dĩ sơ
Hà thường tóc phi trừ
Niệm biệt trưởng tiền đồ
Mặc mặc bất dục ngữ
Nhật mộ vô định tung
Do vi dị hương xứ.

Đêm ngủ trọ làng Đông Dư

Bến đầu sông trông về cố quận
Làng ta kia kề cận tắc gang
Dùng dằng sao chẳng lệ làng
Bước lên một bước trăm đàng ngổ ngang
Không phải vì thiếu người võng lọng
Không phải vì ngóng vọng bạn bè
Mà vì tục lụy nào nề
Chí trai mòn mỏi ước thề phơi pha
Cuộc trần thế mây sa mặt sóng
Cõi người ta lạnh nóng vô thường
Bao giờ cõi mĩ quan trường
Về đâu đóng cửa rào vườn ẩn cư
Nửa mẫu ruộng từ xưa còn đó
Cỏ dại đầy chỗ có ai chăm
Họ hàng thừa thót mỗi năm
Lợn dê chưa mổ đãi đằng được nhau
Chuyện ly biệt lòng đau quặn quặn
Lòng dạn lòng im lặng là hơn
Ngán ngủ trời tối trống trơn
Đêm nay đành trọ trong vườn làng Đông Dư.

Làng Phú Thụy có một cái gò cao đặt tên là gò Chương Sơn. Trong bài *Đắc Hà Thành cố nhân thư thoại*... ông đã nhắc đến:
Vấn tẩn Chương Sơn cựu ẩn thôn
Cao đường vô dạng lưỡng nhi tồn

*Lục niên sinh tử phù trầm địa
Nhất chỉ giao du cảm khái ngôn
Kim cổ sự đa tu thức định
Văn chương đạo tiểu lại cùng tôn
Diệp chi hệ vật phi trường sách
Đầu bạc qui lai đã bế môn*

Đây là thư gửi bạn, trả lời thư bạn ở Hà Nội, báo tin về gia đình ông, và hỏi thăm thơ phú của ông. Ông được tin gò Chương Sơn nơi quê cũ đó, bố mẹ vẫn bình yên, hai con nhỏ còn khỏe mạnh. Đã sáu năm qua, trôi nổi sống chết trong cõi bụi hồng, tôi mượn giấy bút gửi lời cảm khái bạn bè. Việc xưa nay, sau trước, phải định tâm tĩnh trí, suy xét cho cùng. Nghiệp văn chương tuy không lớn (văn chương là đạo nhỏ) nhưng lúc cùng, nhờ đó mà thanh tao. Hỡi ơi! Biết dẫn thân vào cõi thị phi không phải là kế bền lâu, nên lòng này vẫn hẹn đến khi đầu bạc sẽ về lại quê gò đó ẩn cư.

Thư gửi bạn ở Hà Nội

*Biết tin quê gò Chương Sơn ấy
Bố mẹ còn ai nấy bình yên
Sáu năm chìm nổi triền miên
Đôi giòng gửi bạn nỗi niềm nhớ thương
Việc xưa nay phải thường tĩnh táo
Chuyện văn chương com áo đôi đường
Dem thân vào chốn đoạ trường
Hẹn khi tóc bạc về vườn ẩn cư*

Câu “lục niên sinh tử phù trầm địa” là một chi tiết để ta đoán được ông làm bài này ở Quốc Oai vào khoảng năm 1853. Vì tính từ năm 1847 là năm ông trở lại làm việc ở Huế, đến năm 1852 đổi đi làm giáo thụ ở Quốc Oai, và mãi đầu năm 1854 ông mới được về quê. Đây cũng là chi tiết quan trọng để ta tìm hiểu tâm sự của ông vào những ngày tháng cuối cùng. Hình như ông nghĩ nhiều về sự từ biệt cõi đa đoan, về ẩn nơi quê cũ ? Có lẽ ít người tha thiết về làng xưa như Cao Bá Quát. Bài *Gặp Lại Làng Xưa (Tương Đáo Cổ Hương)* ông đã vẽ lại cảnh làng ông và tâm sự của ông:

Tương Đáo Cổ Hương

*Cao cao mộc miên thụ
Cổ cán hà thanh sơ
Thiều thiều vọng thử bang
Quyết hữu cao nhân lư
Trúc mật phú dư kính
Thảo phong nhiều tiền trừ
Bích chiếu hí tiêm lân
Lục đẳng tú gia sơ
Y tích truyền kinh xứ
Yến tức thử hữu dư
Thanh nhàn duy thủ chuyết
Ngô kế tại huyền hư
Tự bảo khuê tổ thượng
Cách vi khâu hác cư
Tuế cửu vị qui khứ*

Chỉ ượng úy giản thư
Tiêu tiêu hoàn đảo thử
Mạch mạch dục hà như
Tổ tâm kỳ bất phụ
Lai giả khả truy dư

Kìa cây gạo cao vợi vợi. Gốc đã già mà cành ngọn xanh tươi. Xa xa nhìn vào làng của bậc “cao nhân” ở đấy, thấy trúc tre đan kín lối đi về. Thấy cỏ thơm xanh rợn một thêm thơ. Thấy tung tăng cá lội trong ao biếc. Thấy lúa đồng dào dạt ngọt ngào. Đó cũng là nơi ta dạy học thuở xưa, nơi ngồi nghỉ tuyệt vời. Hỡi ơi chốn quê mùa mộc mạc chính là chốn lòng ta thơ thới thanh nhàn. Hồn ta gửi mãi vào mây trắng xa xôi. Ôi có ngờ đâu từ khi đeo ấn làm quan, ôm chí “lo trước vui sau” trong cõi nhân gian, mới phải xa quê nhà, rời thôn ỏ. Đẳng đẳng bao tháng năm chưa được trở về mái làng xưa, chỉ vì sợ lệnh vua phép nước. Nay đã bơ phờ tóc bạc, khi trở về dằng dặc bản khoán, bâng khuâng như vừa thua một cuộc cờ. Lòng tần ngần thăm mong nỗi niềm xưa không ruồng rẫy tấm thân này, bởi vì tấm thân này thăm hẹn sẽ không còn cuộc trùng sinh lăm lặc lúc ra đi.

Gặp lại làng xưa

Kìa cây gạo vươn cao vẫn đó
Gốc đã già ngọn ngó vẫn thanh
Vòi trong phong cảnh trong làng
Trong làng có cửa có nhà “cao nhân”
Tre trúc tốt quanh sân đầy ngõ
Cỏ tươi tươi cười rõ mặt thêm
Ao sâu cá lội êm đềm
Lúa thơm phơi phới khắp miền đồng xanh
Nơi dạy học trong lảnh xưa cũ
Cũng là nơi lam lũ nghỉ ngơi
Quê mùa cuộc sống thanh thoi
Lòng quê theo áng mây trời xa xa
Kể từ buổi vào ra thư kiếm
Mới đổi đời thôn điếm gò hang
Bao năm chưa được về làng
Một lo việc nước hai quàng lệnh vua
Nay phờ phạc như thua một cuộc
Trở về nhà thân thuộc nôn nao
Mai sau dù có thế nào
Bước chân tắc dạ xin chào nhân gian.

(trích Cao Bá Quát Giữa Hòn Thiêng Sông Núi - Ước Trai xuất bản 1985)

Cao Bá Quát: tiếng hát giữa rừng

tản luận

Năm tân hợi 1851 là năm mở đầu những biến cố lớn. Sử sách ghi chép chuyện Hồng Bảo là biến cố đầu tiên, cũng là nguyên nhân của nhiều cuộc rối loạn khác về sau. Nguyên năm định mùi 1847, vua Thiệu Trị mất, truyền ngôi cho con thứ là Hồng Nhậm, lúc đó đã được 19 tuổi. Tháng 10 năm đó, Hồng Nhậm lên ngôi hiệu là Tự Đức. Con cả là Hồng Bảo, tức An Phong

Công, bị coi như không đủ tài đức, sống âm ức với một số quần thần. Vua Tự Đức lên ngôi đã có ý dò xét và ngăn ngừa không riêng gì Hồng Bảo; vua cho người nghe ngóng dân tình, nhất là ở miền bắc đang có nhiều rối loạn, các cựu thần nhà Lê vẫn chưa quên cố triều. Năm Tự Đức nguyên niên (mậu thân 1848) nhà vua ra dụ cấm đạo Thiên Chúa, xử tử các giáo sĩ ngoại quốc, thích chữ vào mặt và lưu đày các giáo dân. Một mặt triều đình tổ chức cuộc tiếp đón sứ thần Trung Hoa là Lao Sùng Quang, tuần vũ Quảng Tây, lần đầu tiên đến kinh đô làm lễ bang giao. Đây cũng là đầu mối cho việc “*mé thơ*” của vua và quần thần. Nguyên nhà vua muốn “*lo cho quốc vận tương lai*”, mới sai góp nhặt các văn phẩm gọi là kiệt tác xưa nay, dồn thành một tập gọi là “*Phong Nhã Thống Biên*” để thù đáp sứ Tàu. (*Tùng Thiện Vương – sách đã dẫn tr.105-106*)

Trong thời gian đó, Hồng Bảo ngầm giao thiệp với giáo dân, và giáo sĩ ngoại quốc. Lợi dụng sự bất mãn chính trị của nhiều tổ chức khác, Hồng Bảo định làm đảo chính. Nhưng mãi đến năm 1851 vẫn chưa khởi sự được, vì các giáo sĩ chưa tán thành việc tham gia chính trị? Nhân ngày tết tân hợi, Hồng Bảo sửa soạn trốn sang Tân Gia Ba để cầu viện người Anh, thì bị bắt. Tàu còn neo ngoài khơi, bị khám xét và giữ lại với những tang chứng. Hồng Bảo để đầu bù, ôm đứa con mới 6 tuổi vào đại nội khóc lóc thảm thiết. Ông trình bày với vua Tự Đức là ông không cố ý gọi người ngoại quốc vào gây loạn, mà chỉ muốn xa lánh mọi người để tránh sự khinh khi tủi nhục. Ông xin được đi Pháp sống đời thường dân. Vua Tự Đức tuy không bắt tội, nhưng giam lỏng Hồng Bảo ở kinh đô Huế. Việc này gây náo loạn khắp nơi. Ta có thể đoán chắc rằng Cao Bá Quát không dính dáng gì, nhưng việc đày ông đi Quốc Oai ngay sau đó, hẳn triều đình cũng có sự nghi ngờ. Bởi ông chơi thân với Tùng Thiên Vương. Ở Huế, Tùng Thiên Vương thường được ví với Bình Nguyên Quân, nhà lúc nào cũng có hàng trăm người khách. Tùng đi lại rất thường với Hồng Bảo. Câu chuyện còn kéo dài đến 15 năm sau, mà Tùng có nhiều liên hệ mật thiết. Nhưng ta đã biết, sự giao du giữa Cao Bá Quát với Tùng Thiên Vương là ở phẩm cách nghệ thuật, có đôi chút nghĩa khí. Trong một bài thơ gửi Tùng Thiên Vương, nhân được tặng thơ và quà, Cao Bá Quát phần buồn vì con gái mới chết, xa nhà đã lâu; phần ngao ngán không khí kinh thành; ông đã viết thẳng ý nghĩ của mình ra. Nguyên văn:

TÌNH HIỆN HỒ TỬ

*(Thương Sơn Công hữu sở quĩ vật kiêm trí hảo thi,
bộc phương nhiều vu thất tử chi thích, cảm thế giao khản.)*

Cứ ngô tiêu tán tự trường ca

Sấu cốt chi ly ủng mấn hoa

Lão khứ văn chương tri kỷ thiếu

Bản lai khẩu phúc lụy nhân đa

Hương viên mộng trở tam thu lạo

Nhi nữ sấu liên bạc mộ nha

Thùy đạo Mao khanh thành lục lục

Bình Nguyên môn hạ cánh tha đà.

Nhà thơ buồn quá đâm ra hát nghêu ngao. Hát nghêu ngao để thấy mình càng buồn rữ. Càng thấy mình như một nắm xương gầy tóc bạc. Văn chương trong lúc tuổi già càng ít gặp tri kỷ. Mà hoàn cảnh cô đơn nghèo túng vì phong cách thanh cao càng gây ngộ nhận. Ông nhấn mạnh hai chữ “*miệng và bụng*” với cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Bởi vì miệng và bụng vẫn là một cái vạ, chuyên làm rầy người ta. Bây giờ lòng ông chỉ nhớ nhà, hồn mơ về quê, mà bị nước lụt mùa thu làm ngăn cách. Ông thương đứa con gái phải xa cha, chết bất ngờ. (trong bài *Mộng Vong Nữ*, ông nhắc lại mãi.) Giữa buổi chiều chạng vạng, trong tiếng quạ kêu sương, ông buồn không chịu nổi. Cảnh ấy, tình ấy, ông thấy mình vô tích sự giữa cuộc đời. Thấy mình có lỗi với bạn văn. Riêng với Tùng Thiên Vương, ông như là một môn khách, sống lần lữa hết ngày nọ tháng kia. Xoàng hết sức xoàng! Không được như Mao Toại thời Chiên Quốc, môn khách của Bình Nguyên Quân (*công tử nước Triệu*). Mao Toại cũng sống lần lữa nơi nhà Bình Nguyên

Quân, không tỏ ra tài ba xuất sắc gì. Nhưng khi có biến cố khẩn trương giữa nước Triệu và Sở, thì Mao Toại đã gỡ rối, giải nguy cho Bình Nguyên Quân. Cao Bá Quát nhắc lại chuyện này, tỏ ra không đáng đến hành động chính trị nào với Tùng Thiện Vương.

TÌNH HIỆN RA LỜI

*(Ông Thương Sơn biếu quà, kèm bài thơ hay,
ta đang rối bời vì con chết, xúc cảm mãnh liệt.)
ngâm nga mãi phờ ra tựa ghế
tóc bạc rồi trơ phé thân gầy
văn chương ít bạn tỏ bày
nghèo già bụng lười làm rầy người ta
thu nước lụt, hồn mơ quê cũ
quạ kêu chiều ủ rũ nhớ con
dè đầu Mao Toại xoãng xoàng
lần chần lửa chữa trong nhà Bình Nguyên*

Ngay sau vụ Hồng Bảo, vua Tự Đức ra sắc dụ mới hết sức nghiêm ngặt về đạo Thiên Chúa: xử tử tất cả mọi giáo sĩ Việt Nam và Âu Tây trên toàn lãnh thổ. Giáo dân coi như đồng lõa với kẻ phản nghịch. Sắc dụ ra ngày 21-3-1851, thì ngày 1-4 năm ấy xử chém giáo sĩ Augustin Shoeffler, 29 tuổi, tại Sơn Tây, nơi Cao Bá Quát tới nhận nhiệm sở mới.

Sử sách triều đình ghi rất ít về chính sách của vua quan Tự Đức; nhưng những vụ nổi loạn khắp nơi, ngay ở kinh đô từ năm 1851 về sau khiến ta có thể ngờ rằng chính sách đó không được lòng dân.

Trong bài Quá Quảng Trị Tĩnh, Cao Bá Quát hé lộ cho ta thấy một vài khía cạnh chính trị và xã hội thời đó:

QUÁ QUẢNG TRỊ TĨNH

*Lưỡng quan nam quá nhập nam trung
Nhập đáo Minh lương tự bất đồng
Sơn hải chỉ nghi Tề cận lợi
Lũ thường hoàn tưởng Ngụy dư phong
Cô thành tọa trấn thiên lâm thế
Sa chữ binh liên nhất thủy không
Truyền đạo lục long cận tuần hạnh
Mỹ xuyên cung ngoại hựu tân cung*

Qua hai cửa ải phía nam là vào hẳn miền trung nam. Vừa đến sông Minh Lương (Hiền Lương), cảnh đã khác. Chỉ thấy núi với biển; giống nước Tề thời Xuân Thu, rất nghi ngờ triều đình chỉ tham cái lợi trước mắt. (có ý chê nhà Nguyễn đóng đô ở Phú Xuân đất nghèo, chiến lược phòng thủ yếu; lại tỏ ra thiếu tự tin về việc bình định dân tình bắc hà.)

Lại thấy dép với xiêm người ta dùng thô mỏng; càng ngờ như nước Ngụy bôn xén hà tiện cũng thời Xuân Thu, dân chỉ đi dép vải rất mỏng. (trong cuốn Tùng Thiện Vương có nói đến việc bà Nguyên Cơ họ Trương, quê ở Quảng Ngãi, nơi có thổ sản dứa, mới nghĩ cách lấy bẹ làm má giấy, lấy vông làm quai, thành đôi “dép dứa” cho ông Hoàng Mười Tùng Thiện Vương đi thăm nàng Tiểu Bạch. Sau dân bắt chước đưa nhau đi “dép dứa”.)

Tòa thành trơ trọi đứng giữa rừng âm u. Từng bãi cát liền nhau trải mênh mông không thấy nước. Nghe đồn gần đây xe sáu rồng của vua Tự Đức đã qua chơi. Ôi không biết ngoài hành cung Mỹ Xuyên ra còn có bao nhiêu hành cung nào mới dựng ?

QUA TỈNH QUẢNG TRỊ

*Qua hai ải đến trung nam Việt
Giòng Minh Lương phân biệt phong tình
Dếp xiêm thô mỏng thân hình
Biển Tê núi Ngụy triều đình đáng nghi
Tòa thành cũ một mình đứng chắn
Rừng cát dài như ngắm biển xa
Nghe đồn vua mới vừa ra
Lập thêm cung mới để mà vui chơi*

Bài thơ có thể được viết vào thời gian Cao Bá Quát được gọi về viện hàn lâm từ năm 1847, rồi bị đày đi Quốc Oai 1851. Điều đáng nói là cái nhìn của Cao Bá Quát về chính sách thời Nguyễn. Ông không thể tin được nhà Nguyễn sẽ đem lại no ấm cho dân, cường thịnh cho nước. Có lẽ ông làm bài *Thượng Lưu Điền Hành* để cảnh cáo vụ án Hồng Bảo. Ông có lời dẫn: *Xưa, tương họa ca, sắt điệu; có bài hành Thượng Lưu Điền. Thượng Lưu Điền là tên đất, ở đấy có nhà kia cha mẹ chết sớm mà người anh không nuôi em. Người láng giềng thay người em, làm bài hát điệu thê lương chê người anh gọi là Thượng Lưu Điền. (Cổ tương họa ca, sắt điệu, hữu Thượng Lưu Điền hành. Thượng Lưu Điền địa danh dã, kỳ địa nhân hữu phụ mẫu tử nhi huynh bất tự kỳ cô đệ giả, lân nhân vị kỳ đệ tác bi ca dĩ phúng kỳ huynh, viết Thượng Lưu Điền.)* Bài này Cao Bá Quát cổ tình dùng hai loại cây, hai câu chuyện: *cây giao nhượng* và *cây tử kinh*. Cây giao nhượng mọc trên núi Kim Sơn, biết nhường nhau, cứ một năm phía đông tươi, tây héo; năm sau phía tây tươi, đông héo. Còn cây tử kinh là loại cây cảnh rất lớn, màu hoa tím đỏ tía. Có ba anh em nhà họ Điền chia gia tài; khi chia đến cây tử kinh, định chia cây làm ba. Nhìn ra sân thấy cây đã héo sắp chết; ba anh em bèn thôi không chia gia tài nữa. Cây bỗng tươi tốt trở lại.

Biết đâu chính bài thơ này đã ảnh hưởng đến những quyết định không quá tàn độc của vua Tự Đức đối với Hồng Bảo như sử sách đã ghi. Ta cũng biết đến năm 1855, Hồng Bảo chỉ huy cuộc đảo chính ở kinh đô, có sự tham dự của ngoại quốc. Việc không thành, vua Tự Đức bắt giam Hồng Bảo chung thân; nhưng ông tự thắt cổ chết. Tùng Thiện Vương là người hoàng tộc duy nhất đến tống táng và làm điệu văn.

Không khí chính trị rất ngột ngạt ở kinh đô bấy giờ đã khiến Cao Bá Quát thờ dài. Thâm tâm ông đã muốn ra đi, thì bây giờ ông càng muốn xa hẳn vùng trời ô nhiễm ấy. Có lẽ ông lên đường rất sớm, ngay sau hôm gửi thơ cho Tùng Thiện Vương.

Ra khỏi kinh thành là núi, núi xanh chập chùng như con đường vô tận. Chân bước dẫm chiêm. Chỉ có những đám cỏ ven núi tiễn ông. Tháp thoáng ở xa kia là ngôi thành cổ - thành Hời - hay thành Ông Ninh (do Trịnh Ninh sửa chữa lại của Chiêm Thành trong thời Trịnh - Nguyễn phân tranh.) còn sót lại sau bao trận thư hùng trong lịch sử. Hỡi ơi! Người anh hùng cũng không làm sao kéo lại được nước đã ngàn năm, mệnh đã suy tàn, triều đại đã hư nát. Trên đỉnh núi phía bắc, mưa vừa tạnh, mây còn vương vất. Làng xóm phía nam tươi hồng trong nắng sớm. Xuống đến chân núi, mới thấy lên núi rất nhọc mệt. Chợt nghe lòng buồn ngùi, thương thân mình còn dính dáng dằng dặc với thói đời.

*Sơn ngoại thanh sơn vạn lý trình
Sơn biên dã thảo tống nhân hành
Anh hùng mạc vấn thiên niên quốc
Chinh chiến không tồn nhất lũy danh*

*Bắc lĩnh đoan vân thu túc vũ
Nam trang sơ hiểu đái tân tình
Hạ sơn phản giác đặng sơn khổ
Tự thán du du ủy tục tình*

Đó là nguyên văn bài **ĐĂNG HOÀNH SƠN**, chúng tôi mượn để tả lại khung cảnh và tâm tình Cao Bá Quát khi từ giả Thừa Thiên đi Quốc Oai năm 1851.

LÊN NÚI HOÀNH

*Đường muôn dặm non xanh bát ngát
Cỏ ven đồi san sát tiễn đưa
Lũy xưa chiến trận vang lừng
Nghìn năm vận nước anh hùng khôn xoay
Đỉnh núi bắc mây quang mưa tạnh
Xóm trời nam nắng mạnh vàng tươi
Xuống non lên núi công người
Ngậm ngùi thân thế để đời cuốn trôi*

Hoành Sơn là dãy núi giáp giới 2 tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh. Có lẽ Cao Bá Quát làm khi đã qua đèo Ngang. Đây là con đường giao thông quan trọng bắc - nam. Phải chăng ở bài thơ này ông nhìn thấy bắc – nam như một niềm phấn khởi? Ông đã thấy cuộc leo trong quan trường rất gian nan khó nhọc; cuộc xuống núi trở về sẽ thơ thới hân hoan? Chỉ có kinh thành vua quan triều Nguyễn là một guồng máy chạy một chiều, và chạy với nhau!

Hỡi ơi! Đó là tâm tình của Cao Bá Quát đi về giữa hồn thiêng sông núi. Những vết chân ông còn vang vọng mãi trên núi đồi, dưới cánh đồng bát ngát, trong rừng xanh ngan ngát, và ngoài biển sóng mênh mông của quê hương đất nước, đồng nhịp với những bước chân sau trước của những người con yêu dấu của mẹ Việt Nam.

(trích *Cao Bá Quát Giữa Hồn Thiêng Sông Núi - Ước Trai xuất bản 1985*)

Cao Bá Quát: bài hát cái roi song

tản luận

Đầu năm Thiệu Trị nguyên niên (tân sửu 1841), Cao Bá Quát vừa quá tuổi ba mươi, thi tiến sĩ mãi không đậu. Do sự tiến cử của quan tỉnh Bắc Ninh, ông được bổ làm hành tẩu bộ lễ (một chức quan văn coi việc thư lại.). Ít lâu sau triều đình cử ông làm sơ khảo kỳ thi trường Thừa Thiên cùng với Phan Nhạ (*Phan Nhạ tự Hành Phủ, người làng Ninh Quả, Nghệ An, cùng đỗ cử nhân với Cao Bá Quát khoa tân mao 1831*) Trong lúc chấm thi, nhận thấy có nhiều quyền văn hay, nhưng phạm trường quy, phạm húy (*có lẽ rất gần với trường hợp của Cao, chỉ vì những sơ xuất nhỏ mà bị hỏng, lặn đạn cả đời.* *Cao Bá Quát thi Hương đỗ á nguyên năm 1831, sau lại bị đánh xuống đội bạng. Năm sau thi Hội, ông sơ ý để tờ chứng thực lý trưởng ở trong tráp, bị ghép vào tội “hoài điệp văn thư” (mang giấy tờ sách vở có chữ vào trường thi) bị đui.*) ông tiếc nhân tài, bèn bàn với Phan Nhạ dùng muội đèn (*luật cấm quan trường không được đem mực theo*) chữa cho 24 quyền văn. (*trong số này sau có 5 quyền được chấm đậu.*) Nhưng công việc bại lộ; giám sát trường vụ là Hồ Trọng Tuần đưa nội vụ ra tòa. Đình nghị ghép vào tội tử hình. (*có lẽ án cho là hai ông ăn thông với thí sinh, nhận hối lộ để được chấm đậu.*) Bản án tâu lên vua,, nhưng vì không đủ bằng chứng nên vua Thiệu Trị giảm án xuống thành “*giáo giam hậu*”. Hình phạt này vào thời Nguyễn có nghĩa là tội nhân lẽ ra phải treo cổ chết, nhưng được hoãn, giam lại chờ lệnh. Suốt thời gian đó, ông chịu tất cả mọi cuộc tra tấn hành hạ. Thâm tâm ông

không cho việc chữa văn các thí sinh là một trọng tội. Có lẽ nào đó là trọng tội khi lòng ông hết sức thành thật, khi ý ông hoàn toàn ngay thẳng, không hề tham những hối lộ? Chế độ thi cử quá từ chương, quan liêu và hà khắc, bắt buộc phải có sự phản kháng tự nhiên theo lẽ phải. Chính vua Minh Mạng đã từng than vãn với các quan về chế độ thi cử ấy, nhưng rốt cuộc vua cũng đành tặc lưỡi: *“song tập tục đã quen rồi, khó đổi ngay được, về sau nên dần dần đổi lại”*. Chế độ thi cử ấy đến thời Tự Đức cũng không đổi chút gì, hống hờ thời Thiệu Trị. Cao Bá Quát đã từng là nạn nhân của thi cử nên ông rất thông cảm với thí sinh. Việc chữa vài chỗ sơ xuất của bài văn bằng muội đèn, mục đích chỉ để giúp đỡ một số người tài nhưng thiếu kinh nghiệm thi cử. Cao Bá Quát còn cho là việc đáng làm và nên làm. Tuy nhiên đời có nhiều việc “đáng làm” mà “không nên làm”, nếu ta muốn an thân. Cao Bá Quát là mẫu người không muốn an thân? Cho đến khi mang gông vào cổ, chịu cực hình, ông mới thấy sự giới hạn, và thâm độc của cuộc đời. Trong bài *“đăng tiên ca”*, ông vừa tả vừa kể lại một cuộc tra khảo đánh đập tù nhân bằng roi song. Loại roi song này đã già, to và dài, màu tía, cứng; uốn cong nó lại thẳng đơ ngay. Tội nhân bị trói căng ra giữa hai cái cọc đóng sâu xuống đất gọi là “cái nọc”. Hai tay bị trói vào nọc phía trên đầu; hai chân bị trói vào nọc phía dưới. Người ta vừa đánh, vừa thét hỏi dọa dẫm lâu đến hàng giờ. Tội nhân không dấy dựa tránh né được; có khi ngất đi.

Đối với một số người thư sinh yếu ớt như Cao Bá Quát mà nhà nước dùng hình thức đánh đập tra tấn trước công chúng như thế, có vẻ không hợp. Ông cho là người ta không biết thương hoa tiếc ngọc, dù đó là cây hải đường hiếm quý nhất như cây của Ôn Đình Quân trồng ở Xương Châu. Nhưng đâu có kể gì chuyện đó. Sự đời, thành bại được mất là sự thường. Ông tự bảo, đã là tấm thân nam tử, có mặt có mày, thì việc gì phải đau thương than thở. Ở nhà nợ nước chưa báo đáp được mảy may. Con người dưng cảm không chịu chết ngay nơi văn tự được. Cuối cùng, ông tự ví mình như cây tùng cây bách trên sông núi quê hương ông (phía nam sông Đức Giang, trên núi Nguyệt Hằng) dù gió mưa rét mướt, dù nửa thân đã chết, vẫn ngạo nghễ cùng đứng vươn lên giữa trời. Hình ảnh đó lại làm ông xúc động. Gỗ cây tùng cây bách hẳn nhiên những loại cây thường không sánh được. Ông không tiếc cho cây bị đốn, mà tiếc cho người không biết dùng cây.

Bài thơ dài 44 câu, có lẽ ông viết một mạch ở trong tù, ngay sau ngày bị tra tấn. Có lẽ cũng là lần tra khảo đầu tiên, bởi vì qua thơ, ta thấy ông vẫn còn muốn được xét xử công bằng, còn vẫn kêu oan; khác với sự bất cần, và thản nhiên sau này.

ĐĂNG TIÊN CA

*Cửu nguyệt vọng hậu thiên khí lương
Bạch nhật âm thâm thần vô quang
Cơ nhân bông phát tọa đoạ sàng
Bi phong táp táp xuy y thường
Bộ đình yết lai thanh lang lang
Hoán thủ thúc xúc phó sảnh đường
Phiên thân hạ giới tùy nhận hàng
Tệ cân bất chỉnh tẩu thả mang
Nhập môn ngục tốt hiệp lưỡng bàng
Đô nhân hải quan như đồ tường
Đại quan liệt tọa hạ nhất lang
Hô xuất ngục cụ la trí tương
Cự đẳng chi tiên trường thả trường
Phu tử nhục ngạnh nhụ như cương
Cơ nhân yển ngọa hình thương hoàng
Hồi đầu trắc cổ như kinh dương
Thủ thân cước trực lưỡng nhãn hoang*

Vũ hậu thấp độc chưng bàng quang
Lương cứu vấn tấn khẩu bất trương
Khổ đạo khuất khuất hào khung thương

Quan thanh tích lịch tời đài lương
Điện hỏa thiêm thiêm giao phi tường
Hân như song giao bác hoại đường
Bãi như lãnh thủy quán cấp thang
Lưỡng mộc trác lập thế quật cường
Thân thanh thập nhị hồi tu lang
Ô hô nhất chi xuân hải đường
Tồi chiết bất biện Xương Châu hương
Thử thời mộ thiên quýnh thương mang
Đài giác vị ngã phi thanh sương
Đằng tiên thùy thùy khí bất dương
Củng lập nhiều chỉ hồi nhu trường

Đắc táng mệnh dã nhân chi thường
Mi mục như nhân hà thích thương
Quốc ân gia trạch vị thiếu thường
Dững phu na tử hàn mặc trường
Ta tại đằng tiên
Nhĩ bất kiến Đức Giang chi dương
Nguyệt Hằng chi cương
Thượng hữu bán tử chi tòng bách
Đột ngọt đồng cứu nhi tương vương
Cầu phát khí vu triết tượng
Cổ vô thủ hồ kê thế dữ dự chương
Nhi hà tiền phạt chi dương

BÀI CA CÁI ROI SONG (diễn ngâm)
Sau rằm tháng chín trời man mác
Sáng nhá nhem san sát lù mù
Gã tù tóc rối ngời rù
Áo quần gió tấp vù vù từng cơn
Tiếng cán bộ bất ngờ quang quác
Giục vác gông mau đến công đường
Theo sau lếch thếch chán chường
Cùm trên xích dưới khắp người lem nhem
Cổng lính ngục hai bên đứng chắn
Dân dẫn đờ sớ sắc vây quanh
Cụ hình la liệt bày nhanh
Trên hàng quan lớn dưới anh quan cò
Một cái roi to dài ghê gớm
Màu tía tô cứng rắn rướn cong
Gã tù nằm duỗi song song
Đầu nghiêng đít thấp như còng con dế
Hai mắt quáng chân tay đóng nọc
Mưa vừa xong hơi độc bàng hoàng
Khảo tra mãi cũng chẳng màng
Chỉ kêu oan uổng cho làng nước nghe

Tiếng quan thét rung rinh như sấm
Roi quất nhanh như sét tứ tung
Giơ lên quật xuống ùng ùng
Như bờ ao lở như thùng nước sôi
Hai cái cọc vững thoi khỏi nói
Tiếng rên la rờn rợn hành lang
Than ôi một đóa hải đường
Nát tan tan nát rã rời sắc hương
Chiều thăm thẳm đường như sắp tối
Góc đài kia khối giọt sương rơi
Roi song tầm tạm nghỉ ngơi
Gã tù nát ruột tả tơi nằm chờ

Cuộc được mất cũng ngờ như mộng
Thân trượng phu há dễ thương đau
Ơn nhà nợ nước còn sâu
Tấm lòng dũng sĩ chết đâu vẫn trường
Kìa đỉnh núi quê hương sông biếc
Roi song ơ có biết chẳng roi
Cây tùng cây bách này coi
Thân tuy chết dở vẫn ngoi giữa trời
Một khi biết của biết người
Thì bao cây khác tầm thường kể chi
Mà sao nở chặt làm gì

(trích Cao Bá Quát Giữa Hồn Thiêng Sông Núi - Ước Trai xuất bản 1985)

Cao Bá Quát : tim vẫn say...

Bài tựa truyện Hoa Tiên được viết tại chính quê hương thi sĩ là Ải Cúc Đường, tháng 7 năm quý mao 1843 (Thiệu Trị thứ 3) –xem CAO BÁ QUÁT: thơ vẫn bay ... Ta không rõ việc gấp của ông là việc gì. Và tại sao sau đó ông về sống vừa đau thương vừa thơ mộng ở Thăng Long mãi đến năm 1847 mà không tiếp tục ? Phải chăng cái dang dở là cách nói khiêm cung của nhà thơ ? Hay phải chăng công việc của thơ vốn không bao giờ hoàn tất, không bao giờ muốn chấm xuống hàng ? Và phải chăng truyện Hoa Tiên ngày nay ta đang đọc vốn đã do tay chăm sóc của thi sĩ họ Cao ?

“Thơ thật là khó nói...Bàn về thơ, tuy phải nắm vững kỹ thuật, chữ viết; nhưng làm thơ, gốc ở tâm tình thi sĩ.” (Phù thi chi nan ngôn dã...phù luận thi tuy thủ kỳ cách pháp, tác thi, tất bản chư tính tình...)

Đó là câu Cao Bá Quát viết trong bài tựa tập thơ Thương Sơn của Tùng Thiện Vương.* Chỉ là một câu đó cũng đủ hóa giải tất cả mọi cuộc tranh luận sôi nổi hùng hồn từ xưa đến nay về vấn đề sáng tác phẩm bằng chữ mẹ đẻ hay chữ nước ngoài. Nó cũng hóa giải vấn đề trường phái, giai cấp, thể chế chính trị; và gần đây cái mà Mao Trạch Đông gọi là cơ sở.**

Đó là một câu nói nhân bản nhất, và rất mực ...thi sĩ, mà chúng ta có được ngày hôm nay.

Trong bài tựa, Cao Bá Quát nhận xét tổng quát về văn học Việt Nam với lối học từ chương khoa cử trải mấy trăm năm đã in sâu tô đậm vào đầu óc kẻ sĩ. Những đường lối giản dị, miêu tả chân thật, hầu như đều mất; thay thế bằng lối văn chải chuốt, diễn tích, cầu kỳ, ước lệ và tối nghĩa. Tuy các tác gia nối gót nhau ra đời, nhưng phần lớn đều ở trong giòng văn học ngoại lai,

hoặc lái nhải trong tình cảm ủy mị sáo rỗng. Ít có người thoát được như Nguyễn Trãi, Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Du ... Đại loại có 3 hạng người làm văn học: người kém cỏi thì khổ lụy về cuộc sống, hoặc buông thả theo thói đời. Người có hào khí thì "tẩu hỏa nhập ma" không tiêu hóa được mớ kiến thức thô bạo. Còn kẻ gọi là trí thức khoa bảng thì tự đắc, hý hửng, muốn vợ vét trăm nhà, râu thu vạn thể, thành ra chỉ có bất chước, mô phỏng, mà thực lực không có, phong thái không cao; họ tô điểm khéo léo, hình thức đẹp đẽ như mặc áo gấm, mà tinh thần lại thấp hèn.

Cao Bá Quát nói thẳng vào thời đại ông không một chút nương tay. Ông đã sống giữa kinh thành Huế, giữa những ông vua, ông hoàng bà chúa, những quan lớn quan bé, đua nhau làm thơ làm văn, thi nhau đặt về, ngâm phú.. Đặc biệt dưới triều Tự Đức, một ông vua mê làm thơ hơn làm việc nước, thì khắp triều đình ai lại không a dua xu nịnh làm thơ.

" Một hôm vua Tự Đức gọi Tùng Thiện Vương vào hỏi:

- Thi với ca khác nhau thế nào ?
- Tâu, thi tức là ca; thi, ca đều là những điệu nhạc cả.
- Sao những điệu nhạc lại có ở trong thi, ca ?
- Tâu, vì trong câu thi, câu ca, đều phải dùng chữ Hán đúng với nhạc âm, nên khi ngâm cũng như khi hát vậy.
- Ông đã tinh về âm điệu, tinh về thi ca, ta tuyên triệu vào đây để truyền nghề ấy.
- Tâu, nghề thơ, chỉ những người thanh nhàn, không có cơ tâm mới học được. Chúng tôi vì còn nhiều tục lụy, nên vẫn có muốn học, song đến nay vẫn chưa thành nghề.
- Nghề thơ khó lắm sao ?
- Tâu, không khó, nhưng mà ít người có đủ tư cách để học cho đến thành nghề.
- Như ta đây có đủ tư cách mà học chẳng ?
- Tâu không, vì nghề trị nước, ngày có vạn việc, trách nhiệm nặng nề, tâm không được nhàn, nên từ xưa các bậc chí tôn dẫu có làm thơ, là chỉ để tiêu khiển nhất thời; còn nghề thơ, thì đã không học, mà cũng không nên học" ***

Nhưng vua Tự Đức không nghe, nặng nặc học nghề làm thơ cho bằng được. Câu chuyện vừa nghiêm trọng vừa tức cười. Cao Bá Quát được gọi về kinh làm lại ở bộ Lễ và Viện Hàn Lâm năm 1847, cho đến ngày bị đày đi làm giáo thụ ở Quốc Oai năm 1851. Suốt 5 năm trời đó ông bị đọc, bị nghe, bị thấy bao nhiêu bài văn thơ vịnh cái hoa con kiến, tả chuyện đi câu đi ăn... những lời những ý rập khuôn, lái nhải nhạt nhẽo. Ông kể vài thí dụ điển hình: "đầu làng tạt chia tay đã hát "chén rượu Dương Quan", cạnh xóm sang chơi đã ngâm ngay "tiếng gà điểm cỏ" .(thôn đầu tiểu biệt, toại ca "bôi tửu Dương Quan", lân xá tam kinh,tức phú "kê thanh mao điểm".) Họ nắn nót từng chữ từng câu sao cho có vẻ xót xa biền tái, họ chải chuốt từng lời sao cho có vẻ khuê các trường giả. Làm được một bài thì hí hửng mời nhau ăn tiệc để khoe. Ai cũng tự cho mình là hay nhất, đến độ ganh ghét nhau, chửi ruả nhau, gièm pha nhau, thù oán nhau. Tác giả Việt Nam Ca Trù có trích một chuyện chép trong bài tiểu sử Phạm Thế Lịch trên báo Nam Phong số 147 tháng 2, 1930:

" Khi vua Tự Đức sai đại thần Phan Văn Nhã dự thảo bài văn Ngọc Diệp; Văn Nhã thảo xong, làm tiệc mời các quan đến uống rượu, đưa bài Ngọc Diệp cho mọi người xem, cố ý khoe văn mình hay. Viên nội các Mỗ vốn sẵn có văn tài, xem xong nói:" Văn bác Phan các quan xem thế nào, tôi nghe cứ ngỡ chẳng nhấc." Nhân đương say rượu, hai bên gây chuyện cãi nhau. Viên nội các nói:"Văn như thế chó làm cũng được". Vì thế thành ra ẩu đả.Việc đến tai vua, ông (chỉ Cao Bá Quát) được vời vào hỏi chuyện đã xảy ra. Ông khai: " Không biết ý làm sao, bên này bảo chó, bên kia bảo chó, rồi đến đánh nhau, tôi sợ cắn tôi, tôi hoảng tôi chạy."****

Câu chuyện vừa tả được không khí văn chương nóng hổi thời đó, vừa nói được sự tấn công không nương tay của Cao Bá Quát vào hoàng phái và bọn đầu cơ văn nghệ. Ông tấn công thẳng vào cả vua Tự Đức. Có lần vua khoe thơ, nói là của thần tặng. Thơ chỉ có hai câu, rất lập dị, vừa Hán vừa Nôm. Cao Bá Quát ngựa tai liền bịa ra một bài 8 câu, đọc ngay ra giữa triều,

trong cũng có 2 câu của vua. Ông bảo bài đó ông thuộc từ hồi còn nhỏ. Ông đã kích cái lối cứ mượn thần mượn thánh, mượn chiêm bao mộng寐 làm thơ khoe. Đó là thái độ vừa thiếu tự tin, vừa khoe khoang kiêu ngạo, lại vừa vong thân. Họ làm thơ cốt ở hình thức, tưởng tượng tháp ngà mà không sống thực. Nhất nhất mọi hình thái câu văn, giai thoại đều có vẻ hoang đường, thần tiên, kỳ bí, sao cho giống với Đường thi. Cao Bá Quát bảo cái đó cũng tựa như tập viết, cứ gò gò bó bó, tô tô nắn nắn, chau chuốt xuống, không biết cải cách sáng tạo, thì dù có viết đẹp như mặt chữ Lan Đình, cũng chỉ đáng vất vào xọt rác mà thôi. Chẳng thà không học, không tập còn hơn.

Viết tựa cho một tập thơ, cho một người vừa là bạn vừa là một ông hoàng quyền thế, mà Cao Bá Quát công khai ráo riết tấn công đến như vậy. Bấy giờ là đầu mùa hạ năm 1851, ông viết cũng như đề từ biệt kinh thành. Lệnh đỗi ông ra Quốc Oai đã truyền từ tuần trước. Ông viết: *“Sớm chiều tôi sẽ từ biệt, tập thơ đưa tặng đây tôi chưa đọc hết, vậy chỉ xin mạo muội góp ý, những mong được nghe lời phải. Tôi chơi với ông đã lâu, đâu phải đợi đến nay mới nói đến thơ ông. Và cũng đâu phải đợi đến Quát này mới có thể nói được”*(Đán mộ thả biệt, lai tập vị năng phụng tất, cô dĩ bỉ kiến phu đạt, vọng tứ ich nhĩ. Tông công du cứu, công thi khởi đãi kim nhật nhi hậu ngôn tai. Diệc khởi đãi Quát nhi hậu năng ngôn tai.)

Đọc bài này rồi đọc một bài thơ khác ông làm vào thời gian con gái vừa mất, cảm ơn Tùng Thiện Vương đã gửi quà tặng, ta mới thấy mối giao tình giữa Cao và Tùng khác thường. Ta cũng có thể đoán Tùng Thiện Vương rất hâm mộ họ Cao.

Cuối bài tựa cho bạn, Cao Bá Quát viết: *“Sáng sớm mai, ngoài cầu Đốc Sơ, vờ trông về cửa thành phía nam thấy vàng ánh sáng rực rỡ bay lên nửa tầng không, giữa bầu trời xanh mây trắng, từ xa nhìn mãi lại mà không chán, có phải là núi Thương Sơn chăng? Bồi hồi cõi áo ngồi uống rượu nơi trường đình mà ngâm các bài “Hà Thương Sơn” trong tập thơ của ông, lòng chợt thấy xa xôi bát ngát”*(Minh triều Đốc Sơ kiều ngoại, nam vọng khuyết môn chi nam, kỳ quang hùng hùng xuất vu bán thiên chi thương, bạch vân, bích không gian, viễn vọng nhi bất yếm giả, phi Thương Sơn da? Cô tửu bắc trường đình, giải y bồi hồi, vịnh công Hà Thương chư thi, khách tâm ích viễn hỹ.)

Những câu cuối cùng ấy thật vừa để ngợi khen thơ bạn, mà cũng gửi gắm bao mối khao khát say tình quê hương của thi sĩ. Thương Sơn là tên một ngọn núi đẹp nổi tiếng ở huyện Hương Trà, phía tây kinh thành Huế, cũng là biệt hiệu của nhà thơ Tùng Thiện Vương, là tên tập thơ ông đề tựa. Ông đã mượn núi mượn sông của quê hương để nhắn bạn. Núi trước mặt và sông ngay dưới chân. Trước mặt, dưới chân, trên đầu, chung quanh những nước non nhà, những vẻ đẹp có thật, những rung động có thật, những vấn đề có thật, thì bạn ơi đừng tìm kiếm xa xăm đâu biển Bắc mộng Tàu.

Òi *“Bàn về thơ, tuy phải nắm vững kỹ thuật, chữ viết; nhưng làm thơ gốc vẫn ở tâm tình của thi sĩ.”* Tính tình hay tâm tình cũng là trái tim người biết rung cảm với đất nước hồn thiêng, với triệu trái tim cùng một bọc sinh ra, với sự sinh tử của một quốc gia cần tự trị và muốn được phú cường, với giòng lịch sử chứa chan máu thắm bát ngát hùng ca. Trái tim của thi sĩ. Trái tim vẫn đắm say trong sông núi hồn thiêng.

Chú thích:* Tùng Thiện Vương là hoàng tử thứ 10, con vua Minh Mạng, tên là Mân Thẩm (Miên Thẩm) hiệu Thương Sơn, Bạch Hào Tử. Đương thời bốn người văn thơ được hâm mộ và truyền tụng là Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát, Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương : *Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán*
Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường

Riêng Nguyễn Văn Siêu và Cao Bá Quát còn được gọi là *thần Siêu thánh Quát*.

** Mao chủ trương văn nghệ phải được nâng cao trên cơ sở của giai cấp nông công binh, phân biệt và xóa bỏ giai cấp phong kiến, tư sản, trí thức tiểu tư sản. (Xem bài nói chuyện tại cuộc tọa đàm ở Diên An – tuyển tập Mao Trạch Đông, nxb Ngoại Văn 1964)

*** Tùng Thiện Vương, của Ứng Trình và Bửu Ý, Huế 1970, tr.137

**** Việt Nam Ca Trù Biên Khảo – Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Hòa, Sài Gòn 1962, tr.642

1982, trích trong Cao Bá Quát Giữa Hòn Thiêng Sông Núi, Úc Trai xuất bản 1985